

KỈ NIỆM 130 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(19.5.1890 - 19.5.2020)

SUỐT ĐỜI HỌC BÁC



KIỀU MAI SƠN
ghi chép



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

KỶ NIỆM 130 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(19.5.1890 - 19.5.2020)

SUỐT ĐỜI HỌC BÁC



KIỀU MAI SƠN
ghi chép

[Dành cho lứa tuổi 12+]

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

“... Càng nghĩ tôi càng cảm động, càng thấm thía công ơn của Bác, lòng thương yêu của Bác đã dành cho tôi. Bác luôn luôn là hình ảnh thiêng liêng nhưng rất gần gũi với tôi. Trong tâm khảm tôi, một bên là ba má và chị tôi, còn một bên là Bác Hồ.”

VIỆN SĨ, GIÁO SƯ **TRẦN ĐẠI NGHĨA**

“Nghe giọng Bác đến bây giờ tôi vẫn nhớ văng vẳng, đủ thấy nó ảnh hưởng vào tôi sâu sắc như thế nào. Cho nên trong cuộc đời của tôi, tôi thấy những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dạy cho bộ đội, thường dạy cho những người cán bộ, chúng tôi cần học suốt đời...”

ĐẠI TÁ NGUYỄN XUÂN LƯƠNG

Lời nói đầu



Đã có rất nhiều cuốn sách viết về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cũng có không ít những cuốn sách ghi lại những hồi ức, kỉ niệm, tình cảm thiêng liêng của các tầng lớp nhân dân dành cho Người. Nhưng tất cả dường như chưa đủ bởi Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ cộng sản suốt đời tận tụy vì nước, vì dân với những phẩm chất giản dị mà cao đẹp luôn là tấm gương sáng cho nhiều thế hệ tìm hiểu, học tập, noi theo.

Và cũng chính vì vậy, những chuyện kể về Người bao giờ cũng luôn như mới mẻ và gợi cho chúng ta nhiều xúc cảm chân thành.

Trong tập sách này, bạn đọc sẽ trở lại Cao Bằng, lắng nghe hoài niệm về thời kì gian khó, hiểm nguy -

những ngày đầu tiên khi vị Cha già trở về Tổ quốc. Bạn đọc cũng hòa cùng không khí tung bừng, trang nghiêm của buổi lễ Tuyên ngôn Độc lập, đồng cảm với người thanh niên Hà Nội về niềm tôn kính Bác, về lí tưởng được cống hiến cho sự nghiệp kháng chiến bảo vệ Thủ đô và xây dựng đất nước. Theo chân Bác lên chiến khu Việt Bắc, chúng ta lại được Người chỉ bảo về nếp sinh hoạt tiết kiệm, lối sống văn minh; về ý thức sáng tạo, vượt qua nghịch cảnh qua lời kể của những cán bộ, nhân viên được làm việc cùng mình... Cảm động làm sao khi biết rằng, dù bận việc nước, việc quân, Bác vẫn quan tâm đến đời sống cá nhân của từng cán bộ trong cơ quan và dặn dò: “Bác không tặng cái áo này cho cô. Cô giữ lấy đến khi nào chú ấy ở ngoài Côn Đảo về thì để chú ấy mặc.” Chiến thắng Điện Biên, trở về Thủ đô, bận trăm công nghìn việc, vậy nhưng Bác vẫn đi công tác Sầm Sơn, Bác không ở nhà khách mà vào nghỉ lại tại đền thờ thần Độc Cước rồi tìm tới thăm hỏi bà con xóm chài, cùng kéo lưới với ngư dân... Và còn nữa, những câu chuyện dung dị, sâu sắc về Bác mà mỗi việc làm, mỗi cử chỉ, lời nói của Người đều được khắc ghi, trở thành nguồn động viên, khích lệ mọi người nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi thử thách

khó khăn để hướng tới một ngày mai tươi sáng, hòa bình, ấm no và hạnh phúc.

Suốt đời học Bác - cuốn sách giới thiệu mười sáu câu chuyện về Bác qua ghi chép từ lời kể “người thật việc thật” của nhà báo Kiều Mai Sơn, với những phát hiện và góc nhìn mới, chúng tôi hi vọng sẽ là món quà có ý nghĩa gửi tới bạn đọc nhân kỉ niệm 130 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Nhà xuất bản Kim Đông

Người bảo vệ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Pác Bó

(Theo lời kể của cụ Hoàng Thị Đào⁽¹⁾, dân tộc Tày, quê xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, phu nhân của đồng chí Lê Quảng Ba)

*

Vào tiết cuối năm Canh Thìn (1940), trời rét, Lê Quảng Ba dẫn cả đoàn gồm bốn mươi một người được huấn luyện trong lớp quân sự của Trương Bội Công⁽²⁾ (do Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm làm trợ giáo), đi gấp về phía biên giới. Quá trưa thì đoàn đã gần tới Lục Tùng cách Tỉnh Tây (Quảng Tây, Trung Quốc) trên hai mươi cây số. Hai ngày sau đoàn về

(1) Cụ Hoàng Thị Đào (1925 - 2016), phu nhân Thiếu tướng Lê Quảng Ba (1915 - 1988) nguyên Tư lệnh Quân khu Việt Bắc. (Chú thích trong sách của tác giả. Các chú thích khác cũng ghi rõ). (BT)

(2) Trương Bội Công (1909 - 1945): Một người dân tộc chủ nghĩa. (BT)

đến vùng hoạt động cũ của các đồng chí Hà Quảng và được lệnh dừng chân lại ở hai làng của Trung Quốc là Nậm Quang và Ngàm Tẩy sát gần biên giới Việt - Trung để tuyên truyền vận động quần chúng.

Gần một tháng sau Bác cũng về tới Nậm Quang. Tại đây đoàn được dự một lớp huấn luyện chính trị do Bác đặt chương trình và trực tiếp chỉ đạo. Các đồng chí Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, biên soạn chương trình và trực tiếp giảng dạy.

Nhớ lại ngày "Bác Hồ về nước", Thiếu tướng Lê Quảng Ba đã kể lại cho nhà văn Hà Minh Tuân ghi và được in trong tập hồi kí *Đầu nguồn* (NXB Văn học, 1975):

Vào kì hai tám, ba mươi Tết ở Nậm Quang, nhà nào cũng giết lợn. Có ngày hai ba nhà cùng mời ăn; Bác đến thăm hỏi từng gia đình, nói chuyện thân mật vui vẻ với người già bằng tiếng Pạc Và⁽¹⁾. Phong tục người Nùng ở Ngàm Tẩy không để khách ngủ ở nhà từ đêm ba mươi Tết đến trưa ngày mồng một,

(1) Tiếng Quảng Đông (Trung Quốc), một số huyện, làng thuộc Quảng Tây (Trung Quốc) cũng sử dụng thứ tiếng này. (BT)

Bác khuyên anh em lên lán ở. Ngày Tết người ta thường đưa tiền phong bao cho các cháu. Bác đã chú ý sớm đến tục lệ này. Bác cho đổi sẵn tiền xu. Tết đến, tất cả các cháu ở hai làng Nậm Quang, Ngàm Tẩy đều nhận được tiền phong bao của cán bộ Việt Nam, mỗi gói một xu đồng.

Tôi không quên được những buổi chiều lành lạnh, cơm nước xong, Bác ung dung dạo chơi với chúng tôi ở các nương sau làng. Trò chuyện thân vui, thoải mái như cha con một nhà.

Bác hỏi thăm từng người, chăm chú lắng nghe tôi kể về bước đầu giác ngộ cách mạng của tôi. Bác mỉm cười, nhìn tôi âu yếm, khi tôi kể lại buổi lễ tuyên thệ vào Đảng cách đây đã bảy năm. Bác hỏi:

- Thế ngày ấy chú có tin là cách mệnh rồi sẽ thành công không?

- Cháu có tin nhưng thấy còn xa xôi lắm. Cháu cứ nghĩ: chắc chắn mình sẽ được một phen sống mái với quân thù. Có thể mình chết mà chưa nhìn thấy cách mạng thành công.

Lớp huấn luyện kết thúc vào ngày cuối năm, các đồng chí Dương Hoài Nam (bí danh của

Võ Nguyên Giáp) và Lâm Bá Kiệt (bí danh của Phạm Văn Đồng) trở lại Tĩnh Tây. Năm đồng chí: Phùng Chí Kiên, Thế An, Đặng Văn Cáp, Hoàng Văn Lộc và Lê Quảng Ba được theo Bác từ Nậm Quang về nước...

Tiết xuân trời đẹp.

Chúng tôi ăn cơm sớm ở Nậm Quang, chào bà con, rồi lên đường.

Trong bộ quần áo chàm Nùng, Bác như gầy hơn. Ngược nhìn gương mặt sạm sương gió của Người, lúc này tôi mới chỉ nhận thấy một dáng vẻ ung dung, điềm tĩnh, rất thân quen.

Tôi dẫn Bác theo những vệt đường mòn, lượn giữa các nếp núi tiếp nối nhau ở vùng biên giới hướng về Cao Bằng. Bác cầm một cây gậy nhỏ nhưng chỉ khi xuống dốc Bác mới chống, chân Bác bước mau lẹ, dẻo dai như một thanh niên.

Bác vừa đi đường vừa nói chuyện. Tôi kể lại với Bác tin tức mới nhận được qua thư các đồng chí Cao Bằng gửi sang...

Vượt lên một đoạn dốc ngắn rồi xuống một sườn núi dài lởm chởm đá, hoa lau dọc sườn núi phớt nâu rung rinh trong nắng.

Đồng chí Lê Quảng Ba đã nhận ra cây *mây rầy* (cây si) xum xuê như một cây đa cổ thụ, mọc không xa mốc đá 108. Mốc đá như một tấm bia, hai mặt có khắc chữ Trung Quốc và chữ Pháp.

Bác dừng lại cúi đọc những chữ khắc sâu trên đá. Rồi Người hướng tầm mắt nhìn vọng hồi lâu về dải đất Tổ quốc trùng điệp... Bác dừng lại một chút nữa bên một dãy ghề đá thiên nhiên có nhiều hình dạng. Người nhìn sâu vào khoảng đất trời Tổ quốc biết bao đẹp đẽ nhưng đang đầy đau thương.

Người đã xúc cảm những gì, đã suy nghĩ những gì trong giây phút lịch sử đó?

Đứng cạnh Bác trên cái mốc biên giới đã quen biết ấy, nghĩ tới quê hương thân thiết ruột rà, tôi cảm thấy mình vô cùng gần gũi Bác như đứa con yêu quý ở bên cha, như người chiến sĩ đứng sau lá cờ người tổng chỉ huy sẵn sàng nhận lấy nhiệm vụ khó khăn nhất.

Từ cột mốc 108 nhìn về Nam chỉ thấy những ngọn núi nhấp nhô.

Đồng chí Lê Quảng Ba dự định sẽ đưa Bác về ở tạm nhà sàn của gia đình ông Máy Lì,

người dân tộc Nùng, cơ sở cách mạng. Nhà ông đơn sơ gồm hai gian nhỏ và một gian mới làm thêm. Đến trưa Bác tới nơi. Ông Máy Lì ân cần đón tiếp Bác và cả đoàn. Bác ngồi uống nước, trò chuyện thân mật với ông Máy Lì như một người nhà vừa đi xa về.

Chợt Bác quay sang đồng chí Lê Quảng Ba nói nhỏ:

- Ta nhiều người nên ở trong núi thôi.

Ông Máy Lì nghe rõ, liền năn nỉ:

- Cụ và các bác cứ ở nhà đây tiện hơn, không sao đâu mà.

Bác mỉm cười với chủ nhà, tỏ ý cảm ơn. Trong thâm tâm mình, Bác thương gia đình ông Máy Lì, không muốn gia đình ông phải ở chật chội.

Bác nói có ý dứt khoát:

- Thôi, *sầu sán!* (Thôi, ở rừng!)

Không giữ được đoàn ở lại nhà mình, ông Máy Lì nói:

- Ở ngọn núi kề đây có hang kín đáo lắm, chỉ khi có thổ phỉ chúng tôi mới chạy tới thôi.

Ông Máy Lì dẫn đoàn đi về phía hang núi. Leo lên một đoạn đá lởm chởm thì mọi người đến cửa hang.

Đang trưa, nắng xuân. Nắng lọt qua các kẽ lá lọt vào hang. Một cái hang nhỏ nhưng đủ chỗ ở cho mấy người. Gần kề vách hang bên trong nổi lên một tháp đá thiên nhiên cao vượt đầu người; nước mưa bao năm đã mài gọt phần ngọn tháp trở thành một nhũ đá trắng. (Ít hôm sau Bác tạc nhũ đá này thành tượng Các Mác). Gió khô và lạnh lạnh vi vút cửa hang. Vào sâu trong hang không khí ẩm hơn. Hang ăn thông ra một con đường kín dẫn sang bên kia biên giới. Người ta gọi đó là hang *Cốc Bó* tức hang *Đầu nguồn*. Bác bằng lòng ở tạm đây.

Ông Máy Lì đem tới bốn tấm ván dài ngắn khắp khênh, và một tấm cốt rách. Ván kê lên chỗ lõm phía trong, phía ngoài nền hang bằng phẳng hơn, chúng tôi lót cốt, cắt lá *mạ təc* rải đệm nằm cho đỡ lạnh và đỡ đau lưng. Tay chúng tôi rải lá mà lòng cứ chộn rộn xót thương! Bác ra đi lúc đương thì trai tráng, nay tóc Người đã có phần bạc, mà

chúng tôi không xếp đặt được cho Người một tấm giường êm, một mái nhà ấm!

Giữa khi ấy Bác từ dưới suối lên.

Bác gọi tôi, bảo dẫn Bác và anh Phùng Chí Kiên đi xem xét địa thế quanh hang. Bác lanh lẹ tươi tỉnh tưởng như không phải vừa đi bộ từ sáng tới đây. Chúng tôi dừng lại bên bờ suối, rửa tay rửa mặt. Bác hồn nhiên nói với hai chúng tôi:

- Mình vừa nảy ra cái ý này: dòng suối của ta đẹp quá, trong xanh như ngọc ấy, lại bắt nguồn từ đây, nên đặt tên là suối Lê-nin. Còn ngọn núi hùng dũng kia, (Bác chỉ tay về phía sau bên trái) chúng ta gọi là núi Các Mác, các đồng chí thấy có được không?

Anh Kiên và tôi cùng cười, tán thưởng ý kiến của Bác.

Học Bác suốt đời

(Theo lời kể của đại tá Nguyễn Xuân Lương⁽¹⁾ sinh năm 1919, quê Thanh Oai, Hà Nội. Trước 1945, làm Chủ nhiệm Tạp chí Văn Mới và Giám đốc Nhà in Hàn Thuyên. Từ 1946, công tác tại NXB Quân đội Nhân dân, Tổng cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Pháo binh và Tổng cục Hậu cần)

*

Trong căn phòng trên gác hai phố Thuốc Bắc (quận Hoàn Kiếm, Hà Nội), người lính già đã chín mươi bảy tuổi đời điềm đạm kể lại từng kỉ niệm về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ hồi ông còn là cậu học sinh Trường Bưởi cho đến khi trở thành anh bộ đội Cụ Hồ.

“Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là thần tượng trong suốt cuộc đời của tôi, từ lúc tôi

(1) Đại tá Nguyễn Xuân Lương (1919 - 2019): Nguyên Phó Tổng biên tập Tạp chí *Hậu cần* - Bộ Quốc phòng.

trẻ cho đến trung niên và bây giờ ở tuổi gần đất xa trời vẫn nguyên vẹn như thuở ban đầu." Đó là lời tâm sự của người cựu chiến binh qua câu chuyện đúc kết từ cuộc đời của ông...

Khi còn nhỏ, Nguyễn Xuân Lương được người chú là Nguyễn Xuân Dương, từng tham gia Việt Nam Quốc dân đảng của lãnh tụ Nguyễn Thái Học, vừa làm thầy dạy võ vừa đọc cho nghe những bài thơ yêu nước. Lớn lên, vào tiểu học, Nguyễn Xuân Lương lại là học trò của hai nhà giáo yêu nước Hoàng Đạo Thúy và Trần Trọng Kim. Chính những người thầy thuở đầu tiên ấy đã thổi vào tâm hồn non nớt của cậu bé tinh thần yêu nước, ghét thực dân lúc nào cậu không hề hay biết.

Học lên cấp 2 ở Trường Bưởi, chị gái của ông lập gia đình với nhà báo, nhà văn Trương Tửu. Từ đây, ngày ngày Nguyễn Xuân Lương lại được nghe anh kể nói đến những chiến sĩ cách mạng vô sản, đó là Các Mác, Lê-nin,

M. Gorky⁽¹⁾, L. Aragon⁽²⁾, P. Cutuyarie⁽³⁾... Đặc biệt, có một nhân vật mà Trương Tửu kể cho Nguyễn Xuân Lương nghe với nhiều huyền thoại khiến thực dân Pháp vô cùng đau đầu mà không thể nào bắt được, đó là Nguyễn Ái Quốc - Người Yêu Nước.

Tất cả những điều ông Trương Tửu kể lại cứ như những giọt nước thấm theo thời gian nuôi dưỡng tình yêu nước và tình yêu lãnh tụ trong người cậu thiếu niên Nguyễn Xuân Lương.

Trong kí ức của Nguyễn Xuân Lương thì khi ấy:

“Ông Trương Tửu nói Nguyễn Ái Quốc có vẻ như người thần thoại. Đối với một người mười mấy tuổi như tôi, nó ảnh hưởng lắm. Cho nên trong cuộc sống của tôi, Nguyễn Ái Quốc luôn gần gũi chứ không xa lạ.”

(1) Maksim Gorky (1868 - 1936): Nhà văn, người đặt nền móng cho trường phái hiện thực xã hội trong văn chương và cũng là một nhà chính trị người Nga. (BT)

(2) Louis Aragon (1897 - 1982): Nhà thơ, nhà văn, nhà chính trị Pháp. (BT)

(3) Pon Vayang Cutuyarie (1892 - 1937): Nhà văn, nhà báo, một trong những người sáng lập ra Đảng cộng sản Pháp. (BT)

Đến ngày mít tinh mừng 2 tháng 9 năm 1945 ở Quảng trường Ba Đình, Nguyễn Xuân Lương cùng các ông Trương Tửu, Nguyễn Đỗ Cung, Bùi Lão Kiều (tức nhà thơ Huyền Kiều), Chu Ngọc... đi dự buổi lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*. Khi về, mọi người ai cũng phấn khởi, ông Trương Tửu còn hứng chí, giang hai tay ra, và hô vang: "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập muôn năm!"

Toàn quốc kháng chiến, cả năm anh em trai của gia đình ông Lương đều theo Nhà in báo Quân đội Nhân dân lên Việt Bắc.

Năm 1958, Tạp chí *Hậu cần* ra đời, Nguyễn Xuân Lương được chọn làm biên tập viên của Tạp chí. Trong thời gian làm việc, ông đã có những kỉ niệm với Chủ tịch Hồ Chí Minh mà ông không thể nào quên.

Khi ấy, tờ *Tin Hậu cần* ra được mấy số, ông Lương nghĩ rằng tờ tin nội bộ này cấp lãnh tụ không ai chú ý. Nhưng có hai số báo mà ông Lương phụ trách được Bác Hồ đọc. Bài thứ nhất ông viết về tấm gương một anh chuẩn úy lái xe, giữ gìn xe tốt, bảo đảm

tiết kiệm xăng và ông thấy Bác ghi vào đầu đề là: "Cần đề bạt" và gửi lại cho đồng chí Lê Quang Đạo - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị với lời dặn là phải tuyên truyền và đề bạt. Bài thứ hai ông Lương viết phê bình một anh thượng úy pháo binh phạm khuyết điểm dùng xe công để chở gỗ tư, lại là gỗ ăn cắp. Đọc xong, Bác viết mấy chữ đề trên trang báo: "Cần kỉ luật", rồi lại gửi cho đồng chí Lê Quang Đạo...

Những kỉ niệm đó khiến ông Nguyễn Xuân Lương thấy cảm phục vô cùng vì ông nghĩ, tờ báo của mình có cái gì đâu, chẳng qua mình giới thiệu trong phạm vi ngành của mình thôi, mà cũng là phạm vi đơn vị cơ sở, thế mà Bác vẫn quan tâm.

Đến Tạp chí *Hậu cần*, khi ông Nguyễn Xuân Lương đề xuất và viết mục "Có gì cần nói", thì dù bận bao nhiêu việc, Bác vẫn đọc và vẫn có ý kiến chỉ đạo rất rõ: "Mục này mới chỉ nói có phê bình, không nói kỉ luật."

Trong thời gian làm biên tập viên Tạp chí *Hậu cần*, ông Nguyễn Xuân Lương được cử đi học nghiệp vụ báo chí do Hội Nhà báo

tổ chức. Một hôm, lớp học được đón Hồ Chủ tịch đến giảng bài và nói chuyện về thời gian Bác từng làm báo.

Ông Nguyễn Xuân Lương bồi hồi chia sẻ:

- Đến nay hơn nửa thế kỉ mà tôi vẫn còn nhớ như in. Bác có nêu vấn đề rằng: *Viết cho ai? Viết như thế nào? Viết để làm gì?* Lời Bác nói rõ như thế, đơn giản nhưng dễ vào trong đầu.

Đến đoạn nói chuyện với những anh chị em học viên, Bác kể ngày trước có đọc truyện ngắn của Lev Tolstoy⁽¹⁾ và Anatole France⁽²⁾, thì thấy cách viết truyện của những nhà văn ấy cũng đơn giản, dễ hiểu. Bác mới nghĩ người ta có thể viết được như thế này, tại sao mình không viết? Thế rồi Bác bắt đầu sáng tác những truyện ngắn liên quan. Tôi nhớ cả cách phát âm của Bác. Ví dụ từ *Anatole France* thì tôi phát âm vẫn là giọng người Việt Nam nói tiếng Pháp vì trước đây tôi học ở Trường Bưởi. Nhưng Bác

(1) Lev Nikolayevich Tolstoy (1828 - 1910): Nhà văn Nga nổi tiếng. (BT)

(2) Anatole France (1844 - 1924): Nhà thơ, nhà báo, tiểu thuyết gia người Pháp đoạt giải Nobel Văn học năm 1921. (BT)

phát âm như Tây. Nghe giọng Bác đến bây giờ tôi vẫn nhớ văng vẳng, đủ thấy nó ảnh hưởng vào tôi sâu sắc như thế nào. Cho nên trong cuộc đời của tôi, tôi thấy những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dạy cho bộ đội, thường dạy cho những người cán bộ, chúng tôi cần học suốt đời...

Chủ tịch Hồ Chí Minh với nền văn hóa Việt Nam những ngày đầu cách mạng

Văn hóa luôn là vấn đề được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm. Kế tục sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kì đổi mới và quá độ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng, Nhà nước và Chính phủ phát động toàn dân xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong cuốn sách này, chúng tôi xin giới thiệu bài tường thuật buổi làm việc của Hồ Chủ tịch về văn hóa với đại biểu Đoàn Văn hóa lâm thời Bắc Bộ đã được đăng trên Tạp chí *Tri Tân* số 205, tháng 9 năm 1945, trang 4-5.

Tri Tân là tạp chí có khuynh hướng dân tộc, yêu nước chuyên về khảo cứu, số 1 ra ngày 3 tháng 6 năm 1941, trụ sở đặt tại 349 Phố Huế - Hà Nội, do cụ Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng làm chủ nhiệm. Đầu đặn ra hàng tuần, *Tri Tân* đã thu hút được đông đảo các cây bút có uy tín thời đó như Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố (sau là Chủ tịch Quốc hội đầu tiên), Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, Chu Thiên Hoàng Minh Giám (nhà văn, tác giả *Bóng nước Hồ Gươm*), Biệt Lam Trần Huy Bá, Đặng Thai Mai (nguyên Viện trưởng Viện Văn học, Giải thưởng Hồ Chí Minh 1996), Vệ Thạch Đào Duy Anh (Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000), Kiều Thanh Quế... và các cây bút trẻ mới xuất hiện nhưng sớm gây được tiếng vang như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi...

Năm giờ chiều ngày 7 tháng 9 năm 1945, ban quản trị Đoàn Văn hóa lâm thời Bắc Bộ đang họp tại nhà văn hóa (hội Khai trí Tiến đức cũ) thì có tin điện thoại của Bộ Ngoại giao cho biết rằng Cụ Hồ Chí Minh - Chủ tịch

Chính phủ lâm thời muốn hội đàm với đại biểu Đoàn Văn hóa vào lúc khoảng 19 giờ.

Ba ông: Trương Tửu, Thượng Sĩ, Nguyễn Đức Quỳnh do ông Nguyễn Hữu Đang hướng dẫn, lên Bắc Bộ phủ để yết kiến Cụ Hồ Chủ tịch.

Biết tiếng Cụ đã lâu, lần đầu được gặp Cụ trong bộ y phục quá giản dị, ba vị khách không giấu nổi sự cảm động. Nét mặt gân guốc, đôi mắt quắc thước, điệu bộ hồn nhiên bộc lộ một tinh thần tranh đấu cương quyết và một tâm hồn nhân đạo, chân thành.

Sau mấy lời giới thiệu của ông Nguyễn Hữu Đang, ông Trương Tửu nhân danh Chủ tịch Ủy ban Văn hóa lâm thời Bắc Bộ Việt Nam, chào mừng Cụ Hồ, tán thành cuộc cách mạng dân chủ vừa giành thắng lợi và đặt lòng tin nhiệm vào tài năng sáng suốt của Cụ trong công việc lãnh đạo dân tộc.

Lời nói thung thảng và rành rọt, Cụ Hồ cảm ơn các thành viên trong giới văn hóa:

- Theo ý riêng của tôi, - Cụ Hồ nói, - trong công cuộc giải phóng dân tộc và kiến thiết một nước Việt Nam mới, nhiệm vụ của các ngài trong giới văn hóa cũng rất nặng nề

và quan trọng. Dân tộc chúng ta đã bước sang một giai đoạn mới, tất nhiên phải có một chính thể mới và một văn hóa mới. Khi chúng ta còn bị nô lệ thì văn hóa của chúng ta cũng mang nặng những dấu tích nô lệ. Bây giờ độc lập, văn hóa cũng phải có những dấu tích độc lập. Phải độc lập trước đã rồi văn hóa mới phát triển được. Dân tộc còn bị áp chế, hàng triệu đồng bào chúng ta vẫn còn chết đói đầy đường thì các ngài có thể ngồi trong tháp ngà mà sáng tác được không? Tôi mong rằng các ngài trong giới văn hóa nhận thấy rõ nhiệm vụ của các ngài trong lúc này là: Củng cố nền độc lập của Việt Nam, sửa soạn cho đất nước một văn hóa mới và phải làm thế nào cho văn hóa Việt Nam sẽ chiếm được một địa vị trong nền văn hóa thế giới.

- Thưa Cụ, - ông Trương Tửu đáp lại, - toàn thể anh em trong giới văn hóa chúng tôi, bao lâu nay, vẫn sống trong sự áp bức ngột ngạt của chính sách thực dân. Tuy vậy dù cường quyền áp bức đến bực nào, anh em chúng tôi cũng vẫn cố gắng vươn đến một ánh sáng, vươn đến độc lập và tự do.

Ngày nay sự nghiệp giải phóng của dân tộc đã thực hiện một phần rất lớn. Các ánh sáng tự do cần thiết cho sự phát triển của văn hóa mà chúng tôi hằng khao khát đã nhờ sự giải phóng ấy mà bắt đầu tung bừng, cho nên đối với chúng tôi, tranh đấu cho nền độc lập của nước nhà trong lúc này cũng tức là tranh đấu cho sự giải phóng của nền văn hóa Việt Nam.

Cụ Hồ Chủ tịch gật đầu tỏ ý bằng lòng:

- Bốn phận của các ngài là lãnh đạo tư tưởng của quốc dân, tranh đấu cho nền độc lập và kiến thiết một nền văn hóa mới. Cái văn hóa mới này cần phải có tính cách khoa học, tính cách đại chúng thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại.

Cụ nói tới đây thì ông Nguyễn Đức Quỳnh xin phép Cụ trình bày một vài ý kiến:

- Thưa Cụ, Cụ đã nói đến tính cách khoa học của văn hóa mới, chúng tôi xin đề cập đến sự hợp tác của các nhà kĩ thuật, chuyên môn trong công việc kiến thiết quốc gia. Theo chỗ chúng tôi nhận xét, ít lâu nay thì các nhà kĩ thuật chuyên môn trong công việc kiến thiết quốc gia hình như vẫn còn chút ít

ngần ngại khi muốn hợp tác với Chính phủ để thi thố tài năng của mình. Họ là những người sống bằng kỹ nghệ và chỉ muốn làm việc cho kỹ thuật. Họ muốn được quyền đứng ngoài những xu hướng chính trị của đảng phái để phụng sự Tổ quốc.

Khi ấy, mắt Cụ Hồ sáng hẳn lên. Cụ với tay cầm quản bút ghi trên một tờ giấy để trước mặt Cụ (các vị khách thấy Cụ ghi bằng chữ Hán), Cụ đặt quản bút xuống chậm rãi nói:

- Tôi nhờ ngài thanh minh với tất cả những anh em trong giới kỹ thuật chuyên môn rằng: Nước Việt Nam không phải của Việt Minh. Nước Việt Nam là của quốc dân Việt Nam. Chính phủ lâm thời hiện thời này không phải là của Việt Minh mà là của toàn thể quốc dân.

Cụ dừng lại giơ tay phải lên như muốn xua đuổi một điều ngộ nhận của nhiều người đối với Chính phủ, và nói tiếp:

- Đây ngài xem... Trong Chính phủ lâm thời có cả vua, quan lại cũng có, địa chủ cũng có, nông dân cũng có, công nhân cũng có. Đây là một Chính phủ Liên hiệp quốc gia,

không có màu sắc quốc gia nào lẫn át cả. Lúc này, bất cứ người nào miễn là có tài và dùng phản cách mạng thì đều có thể phụng sự được quốc gia, toàn quốc. Trong lúc chung quanh mình bao nhiêu người đói khát, mình có thừa thóc gạo, phải đem mà giúp ích cho đồng bào. Nếu có thể mà lúc này không đem tài năng ra phụng sự quốc dân thì không những quốc dân có quyền chê trách mà ngay đến chính anh có tài đó cũng phải chê trách.

Chùng như có một ý kiến gì mạnh mẽ mới nảy ra trong óc Cụ, mắt Cụ bỗng trở nên hân hoan và nghiêm trọng. Ánh mắt Cụ như lắng sâu vào trào lưu tiến hóa của lịch sử. Và Cụ nói:

- Thật chưa bao giờ dân nước chúng ta có một sự đoàn kết rộng đến thế. Bốn phận chúng ta ngày nay - bốn phận của các ngài là làm sao cho sự đoàn kết rộng ra, càng ngày càng sâu xuống, phải củng cố sự đoàn kết ấy cho nó bắt rễ xuống, cho nó bền chặt mãi.

Cụ dừng lại, cảm động, gian phòng im lặng.

Sợ mất thêm nhiều thì giờ của Cụ, ông Trương Tửu liền tường trình đại cương công việc của Đoàn Văn hóa lâm thời Bắc Bộ Việt Nam đang tiến hành:

1. Tổ chức cuộc trưng bày văn hóa.

2. Dự thảo một chương trình của tuần lễ văn hóa.

3. Vận động đại hội nghị toàn quốc văn hóa.

Nghe nói tiếng "toàn quốc", Cụ Hồ gật đầu:

- Đại hội nghị toàn quốc văn hóa... phải, phải làm thế mới được. Từ trước đến giờ, chính sách thực dân Pháp đã chia rẽ chúng ta nhiều lắm rồi. Tôi mong rằng các ngài cố gắng làm được như thế, tổ chức mau chóng cuộc đại hội nghị văn hóa toàn quốc, gây được mối liên lạc mật thiết của quốc dân và văn hóa. Chính phủ sẽ giúp đỡ các ngài những phương tiện để thực hành công việc đó.

Cuộc gặp gỡ đã kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Ông Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ mở cửa phòng bước vào, rút đồng hồ ở túi ra ghé tai Cụ Hồ báo cáo việc gì đó...

Các vị khách đoán rằng Cụ sắp phải tiếp đoàn đại biểu của giới khác nên vội đứng dậy. Ông Trương Tửu thay mặt anh em trong Đoàn Văn hóa lâm thời cảm ơn Cụ một lần nữa. Cụ cũng đứng dậy, nhờ các vị khách chuyển lời chào của Cụ đến tất cả anh em trong giới văn hóa, và ngỏ ý mong anh em đoàn kết chặt chẽ với quốc dân để cùng tranh đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sau khi bắt tay Cụ Hồ Chủ tịch, ba vị khách lui về, trong lòng chan chứa cảm tình thành thực và tín nhiệm đối với Cụ Chủ tịch Chính phủ lâm thời.

Từ sức hấp dẫn lôi cuốn diệu kì của Bác Hồ

"Đầu tháng 9 năm 1946, con tàu Dumont d'Urville vẫn chưa sửa sang nên những vị khách đặc biệt lên tàu để về Việt Nam, gồm Chủ tịch Hồ Chí Minh, thư kí Đỗ Đình Thiện, đại tá cận vệ Vũ Đình Huỳnh, kĩ sư Võ Quý Huân, kĩ sư Trần Đại Nghĩa, bác sĩ Trần Hữu Tước và kĩ sư Võ Đình Quỳnh, lại phải chờ và đợi. Một buổi trưa, khoảng một giờ rưỡi, bỗng Hồ Chủ tịch vào buồng nói với bác sĩ Trần Hữu Tước:

- Chú đi chơi vườn hoa với Bác!

Vội bỏ sách đang đọc, quần áo chỉnh tề, bác sĩ Trần Hữu Tước đi theo, hai người lững thững

ra công viên nổi tiếng ở Kandy. Giữa cảnh hoa thơm cỏ lạ, buổi chiều hôm đó thật khó quên. Câu chuyện thật liên miên, đầy hứng thú, hai người trí thức cùng nói chuyện về văn học. Điều kì lạ giữa "Người công dân số một" của đất nước và vị bác sĩ trẻ tuổi là cả hai đều rất thích tác phẩm của văn hào cận đại, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp: Anatole France, vậy nên bác sĩ Trần Hữu Tước đã có thể kể lại những chuyện ngoài lề về cuộc đời súc tích của con người đa dạng này. Nguyễn - Người Yêu Nước - càng vui, mỉm cười và hỏi:

- Chú có nhớ thơ văn Việt Nam không?

Thế là một dịp hồ hởi, hăng say, bác sĩ Trần Hữu Tước đọc những vần thơ của Nguyễn Bình Khiêm, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi... Đương trong lúc cuồn cuộn nhớ lại, bác sĩ Trần Hữu Tước đột ngột và tự nhiên níu lấy cánh tay áo của Hồ Chủ tịch nói:

- Thưa Bác, có câu nào mạnh và lạ, dùng ngược, rất đẹp như "Hương dương lòng thiếp như hoa?"⁽¹⁾

Hồ Chủ tịch ung dung, khẽ gật đầu:

(1) Lời trong Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn. (BT)

một con người mà Giáo sư vô cùng yêu quý, khâm phục và một lòng một dạ tin tưởng đi theo Người, cho đến trọn cuộc đời mình, vì nhân cách cao cả cùng sự uyên thâm của Người: một nhà văn hóa lớn, một người yêu nước thương nòi sâu sắc. Đối với Giáo sư Trần Hữu Tước, Hồ Chủ tịch là hiện thân đầy đủ của sự kiên trì lí tưởng Giải phóng và Cách mạng cho dân tộc Việt Nam.

Nhân dịp kỉ niệm lần thứ 121 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, kỉ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ của chúng ta ra đi tìm đường cứu nước,⁽¹⁾ tôi lần giở lại những trang hồi kí của Giáo sư Trần Hữu Tước - dù được viết ra cách đây gần nửa thế kỉ - song những trang hồi kí đã khắc họa được một cách rõ nét bước ngoặt cuộc đời của chính ông, một thầy thuốc, một trí thức Việt Nam trẻ tuổi được đào tạo bài bản về y khoa ở Pháp, có lòng yêu nước và khao khát cống hiến, đã lên đường theo Bác Hồ về với quê hương xứ sở, về với biết bao khó khăn thử thách của hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc;

(1) Tác giả viết bài này vào năm 2011. (BT)

bỏ lại đằng sau một tương lai vật chất và nghề nghiệp hứa hẹn trên đất Pháp.

Cũng những dòng tâm sự sau đây của chính Giáo sư Trần Hữu Tước trong cuốn hồi kí này, ông viết:

"Nỗi sung sướng không bút nào tả nổi khi một buổi sáng thu bình con mắt dậy, thấy mình tự do!"

Đó là năm 1945, bác sĩ Trần Hữu Tước, trợ lí giáo sư Khoa Tai Mũi Họng tại Bệnh viện Nhi khoa Necker, được tin Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tuyên bố trước toàn thế giới: Nước Việt Nam độc lập.

Bản chất thiết tha muốn có công bằng, tiến bộ cho đất nước, nay phải làm gì cho xứng đáng với nền Độc lập, Tự do của Tổ quốc mới giành lại được sau hơn tám mươi năm nô lệ đây? Sau những phút giây trần trọc suy nghĩ, thấy mình không thể tọa hưởng cuộc đời mới vô ngàn quý báu, biết bao nhiêu hi sinh xương máu mới hình thành nên được, thế là ông quyết tâm về nước. Một quyết định nhẹ nhàng dẫu ông hiểu rằng

trước mắt sẽ đầy rẫy những gian nan, thử thách ý chí người trí thức.

Người thầy quý mến của ông, lúc ấy đã hơn sáu mươi tuổi, biết không thể nào ngăn được bước chân học trò, khi chia tay đã cảm động nói:

- Anh bây giờ có Tổ quốc độc lập rồi, về phục vụ là phải, tuy tôi như mất một cánh tay!

Người thầy ấy còn dặn dò thêm:

- Không bao giờ được bỏ nghề chuyên môn đã dày công trau dồi!

*

Cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bác sĩ Trần Hữu Tước phụ trách cứu thương cho Trung đoàn Thủ đô suốt sáu mươi ngày đêm chiến đấu trong nội thành Hà Nội.

Tháng 2 năm 1947, ông cùng các chiến sĩ rút khỏi Hà Nội ra vùng kháng chiến. Rời Thủ đô thân yêu, ông mang theo 30kg dụng cụ chuyên khoa đi kháng chiến. Tiếp đó là hai năm ở Liên khu 3, ông theo Trường Y sĩ

di chuyển đến ba mươi địa điểm thuộc nhiều vùng nông thôn rộng lớn để tuyên truyền phòng bệnh, chữa bệnh cho bộ đội và nhân dân.

Từ cuối năm 1948, do chưa quen với khí hậu và làm việc nhiều, ông lâm bệnh, sức khỏe giảm sút. Biết tin, Bác Hồ đã biên thư ra lệnh, yêu cầu ông nghỉ ngơi để an dưỡng nhưng ông vẫn cố gắng làm việc. Ông cũng kiên quyết từ chối những lời mời trở lại làm việc trong vùng tạm chiếm với nhiều ưu đãi.

Năm 1951, bác sĩ Trần Hữu Tước được đi chữa bệnh tại Trung Quốc.

Rồi chiều hôm đó, trong khu rừng Việt Bắc, ánh mặt trời còn trên đầu ngọn cây, bác sĩ Trần Hữu Tước sắp lên xe. Bỗng có tiếng ngựa phi, nhíp nhàng nước đại... Bác Hồ đến tiễn!

Thấy ông gầy gò, dơ cả xương mà chỗ ngồi, chỗ tựa, ghế xe zip rất cứng, Bác gọi lấy hai chiếc gói cỏ để chèn cho khỏi xóc đường trường, rồi thấy đầu ông có thể va vào khung sắt của mui xe, Bác lấy ngay chiếc mũ của Bác chụp lên đầu cho ông và lần nữa Bác dặn ông cẩn thận!

Xe chuyển bánh, Bác đứng một lúc, vẫy tay, rồi Bác nhảy lên ngựa và lúc bác sĩ Trần Hữu Tước ngoái đầu lại, chỉ còn thoáng nhìn thấy bóng ngựa hồng hồng ánh chiều tỏa xuống...

Trong những năm kháng chiến chống Pháp ấy và những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội sau này, Giáo sư Trần Hữu Tước đã vượt lên bao khó khăn, thiếu thốn, vất vả, chấp nhận có thể hi sinh để vươn lên trở thành một tấm gương sáng về ỹ đức và trí tuệ của người thầy.

Nhớ ông, bao học trò thành danh đều dành cho ông sự ngưỡng mộ và lòng thành kính, bao bệnh nhân được ông chữa bệnh coi ông như một ông tiên ngoài đời về sự tận tâm, sẻ chia nghèo khổ với họ, kể cả bớt phần lương ít ỏi của mình cho người bệnh nghèo. Tấm lòng son đối với Bác Hồ, đối với Đảng của ông không gợn chút bụi mờ.

Còn nhớ, ngày 10 tháng 1 năm 1967, Bệnh viện Bạch Mai tung bừng đón danh hiệu Anh hùng Lao động mà Nhà nước trao tặng cho

Giáo sư Trần Hữu Tước, Giám đốc Bệnh viện. Hôm ấy, sau khi nhận bó hoa tươi thắm của đồng nghiệp trao tặng, Giáo sư Trần Hữu Tước đã trao tặng ngay lại cho đồng chí Vũ Văn Quyết, Bí thư Đảng ủy Bệnh viện với lời tâm sự đầy xúc động: "Năm nay tôi đã năm mươi ba tuổi, nhưng thực ra tôi mới chỉ sống có hai mươi năm, còn ba mươi ba năm trước là những năm sống không ra sống. Nếu không có sự giúp đỡ và giáo dục của Đảng và Bác Hồ thì tôi mãi mãi sẽ thành con người lưu vong, cả cuộc đời sẽ không tìm thấy ý nghĩa..."

Trong những ngày cuối cùng nơi giường bệnh, biết mình không qua khỏi vì căn bệnh hiểm nghèo, Giáo sư Trần Hữu Tước đã lấy trong túi tấm thẻ đảng viên đưa cho con gái đầu lòng và dặn: "Sau khi bố qua đời, con mang thẻ đảng này nộp cho đồng chí Bí thư, đừng đưa sớm hơn!" với ý muốn là để tránh gây xúc động trong Đảng bộ, cơ quan.

Bác sĩ Trần Tố Dung, con gái của Giáo sư Trần Hữu Tước chia sẻ với chúng tôi rằng, mới đây, bà theo dõi cuộc trò chuyện của

Đại tá Trần Trọng Trung trên Đài Truyền hình. Bà đã bật khóc vì xúc động. Người cựu chiến binh gần chín mươi tuổi ấy, từng trải qua hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, khi tâm sự với thế hệ trẻ đã nói như thế này: "Thế hệ chúng tôi tự hào đã rửa được cái nhục mất nước và nô lệ để có được đất nước độc lập và hoàn toàn thống nhất hôm nay." Đó cũng chính là câu mà cha bà, Giáo sư Trần Hữu Tước vẫn thường hay nói...!

Bác sĩ Trần Tố Dung bồi hồi tâm sự tiếp:

- Những lời nói đó của thế hệ cha ông đi trước, bất kể người đó là ai, làm gì, xuất thân như thế nào, miễn là người Việt Nam, với lòng yêu nước nồng nàn, và những sự hi sinh vô bờ bến vì một mục tiêu kiên định là Độc lập, Tự do cho đất nước, là những lời thiêng liêng nhắn gửi thế hệ của tôi và những thế hệ tiếp nối mai sau: Những hi sinh sẽ không uổng phí khi mỗi chúng ta hiểu được rằng để có một nền Độc lập và Tự do vĩnh viễn chúng ta còn cần phải thoát khỏi đói nghèo và lạc hậu nữa! Đó cũng chính là ước mơ được chia sẻ, hi sinh, cống hiến, học hỏi,

xây dựng, vì sự tiến bộ của đất nước, ngày mai, mà cha tôi mong muốn để lại.

Chính ông đã từng gửi gắm những điều này, trong một bức thư gửi cho tôi, khi tôi tròn hai mươi tuổi: “Hạnh phúc thật ra, con nhớ lấy, phải tự mình làm nên, nhường chia vì người khác ta sẽ càng đầy đủ!” Cuộc đời của cha tôi đã là một tấm gương về sự hi sinh và chia sẻ, không một chút nuối tiếc và ân hận vì hạnh phúc được sẻ chia số phận mình với số phận của đất nước, dân tộc. Đối với ông, niềm hạnh phúc được san sẻ lớn lao hơn bất cứ điều gì khác!

*

Giáo sư, bác sĩ Trần Hữu Tước (13.10.1913 - 23.10.1983), là người sáng lập và xây dựng ngành Tai Mũi Họng Việt Nam, Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai (1956 - 1969), Chủ nhiệm Bộ môn Tai Mũi Họng Trường Đại học Y khoa Hà Nội (1955 - 1983), Chủ tịch Hội Tai Mũi Họng Việt Nam (1961 - 1983), Viện trưởng đầu tiên của Viện Tai Mũi Họng Trung ương (từ 1969), Đảng viên Đảng Cộng sản

Việt Nam (1960), đại biểu Quốc hội (khóa II, III, IV), Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch đầu tiên của Tổng hội Y học Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Chũ thập đỏ Việt Nam.

Với những đóng góp của mình cho sự nghiệp y tế cách mạng của dân tộc, ông được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động (1966), Huân chương Độc lập hạng Nhất (1983), truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Kỹ thuật đợt I (1996), được tặng Kỉ niệm chương của Trung đoàn Thủ đô. Thành phố Hà Nội đã dành một đường phố thuộc phường Nam Đồng, quận Đống Đa mang tên Giáo sư Trần Hữu Tước.

Người trí thức dẫn thân

Ngày 22 tháng 6 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Paris. Đứng trong đoàn đại biểu Việt kiều ra đón thượng khách của Chính phủ Pháp tại sân bay, Phạm Quang Lễ ngạc nhiên thấy vị Chủ tịch nước ăn mặc rất giản dị với nét mặt hiền từ, vui vẻ, khiêm tốn và đôi mắt rất sáng. Qua bác sĩ Hoàng Xuân Mãn (em ruột Giáo sư Hoàng Xuân Hãn), Chủ tịch Hội Việt kiều ở Pháp, chỉ ba ngày sau khi Hồ Chủ tịch đến Paris, kĩ sư Phạm Quang Lễ được tiếp kiến Người.

Những ngày Bác ở trên đất Pháp và trên đường về nước, ông được thường xuyên đi theo Bác. Chính điều này đã có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời cách mạng của ông.

Một lần, Bác hỏi Phạm Quang Lễ: “Nguyện vọng của chú lúc này là gì?” Ông trả lời ngay điều đã ôm ấp từ buổi đầu xuất ngoại: “Dạ thưa, nguyện vọng cao nhất là được trở về Tổ quốc công hiến hết năng lực và tinh thần.”

Ngày 8 tháng 9 năm 1946, Hồ Chủ tịch cho kĩ sư Phạm Quang Lễ biết là Hội nghị Fontainbleau không thành công. Người nói: “Bác về nước, chú chuẩn bị về cùng Bác, hai ngày nữa ta lên đường.” Bảy giờ sáng một ngày trung tuần tháng 9 năm 1946, xe lửa đến ga Lyon rồi tạm nghỉ. Hồ Chủ tịch hỏi kĩ sư Phạm Quang Lễ:

- Đời sống ở trong nước còn đang rất khó khăn, chú về nước có chịu nổi không?

Phạm Quang Lễ trả lời:

- Thưa, tôi chịu nổi.

- Ở trong nước không có kĩ sư, công nhân, về vũ khí, máy móc thiếu, liệu chú có làm việc được không?

- Thưa, tôi tin là làm được vì tôi đã chuẩn bị mười một năm ở bên Pháp.

Xa Tổ quốc mười một năm, về đến Hà Nội chỉ được nghỉ có bảy ngày, kĩ sư Phạm Quang Lễ phải lên ngay xưởng quân giới Giang Tiên ở Thái Nguyên, nghiên cứu chế tạo súng chống xe tăng, dựa theo mẫu súng Bazoka của Mỹ với hai viên đạn dự trữ do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu cung cấp. Công việc mới bắt đầu được ít ngày thì ông nhận được điện của Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu gọi về Hà Nội gấp để gặp Hồ Chủ tịch.

Ngày 5 tháng 12 năm 1946, Hồ Chủ tịch cho mời kĩ sư Phạm Quang Lễ đến Bắc Bộ Phủ (nay là Nhà khách Chính phủ, 12 Ngô Quyền). Bác thân mật nói:

- Kháng chiến sắp đến nơi rồi, hôm nay tôi gọi chú đến để trao cho chú nhiệm vụ làm Cục trưởng Cục Quân giới. Chú lo vũ khí cho bộ đội diệt giặc.

Bác nói tiếp:

- Việc của chú là việc đại nghĩa, vì thế kể từ nay, Bác đặt tên cho chú là Trần Đại Nghĩa. Dùng bí danh này để giữ bí mật cho chú và để bảo vệ cho gia đình, bà con chú

còn ở trong Nam. - Bác giải thích rất dí dỏm:
- Một là họ Trần, không có họ với Bác, đây là họ của Trần Hưng Đạo. Hai là, *Đại Nghĩa* là *nghĩa lớn* để chú nhớ đến nhiệm vụ của mình với nhân dân, với đất nước. *Đại Nghĩa* còn là chữ của Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô đại cáo*: "Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, dĩ chí nhân nhi địch cường bạo." Chú có ung bí danh đó không?

*

Bà Nguyễn Thị Quang, cán bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh, con dâu trưởng của Viện sĩ Trần Đại Nghĩa kể cho tôi nghe những kỉ niệm về cha chồng mình:

- Bác Hồ biết tất cả những sở thích của ba tôi... Còn về nghiên cứu khoa học thì ba tôi vẫn thường hay kể với các con cháu: Bác Hồ không chỉ tin cậy trao nhiệm vụ làm Cục trưởng Cục Quân giới mà còn tạo điều kiện tối đa để ba tôi say sưa làm việc. Bác cho phép ba tôi được gặp bất cứ lúc nào và có toàn quyền hành động trong việc chế tạo vũ khí, không

phải thông qua bất kì cấp lãnh đạo nào. Đây là một sự ưu ái rất nhiều ý nghĩa.

Sau này, ba tôi trải qua nhiều chức vụ quản lí và lãnh đạo: Cục trưởng Cục Pháo binh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết Cơ bản Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Công thương, Chủ tịch đầu tiên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại biểu Quốc hội khoá II, III... Mỗi khi gặp điều gì khó khăn hay có vấn đề gì cần đề xuất là ba tôi được gặp trực tiếp Bác Hồ để xin ý kiến chỉ đạo nên giải quyết công việc rất kịp thời.

*

Ngay những ngày cuối cùng của cuộc đời, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa vẫn nhắc đi nhắc lại:

"Tôi nhớ mãi mãi Bác Hồ kính yêu, vô cùng biết ơn Bác cho theo về nước, Bác luôn luôn chăm sóc và hướng dẫn tôi, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã cho tôi các cương vị để có thể hoàn thành

nhiệm vụ của đời tôi một cách có hiệu quả nhất và cái tên mà Bác đã đặt cho tôi cũng luôn luôn nhắc nhở tôi.

Hằng năm cứ đến các ngày mừng 10 tháng 9 (năm 1946, rời Paris về nước), ngày 20 tháng 10 (năm 1946, về đến Tổ quốc) và ngày mừng 5 tháng 12 (1946, Bác trao nhiệm vụ Cục trưởng Cục Quân giới và đặt bí danh Trần Đại Nghĩa) lại làm cho tôi nhớ đến quá khứ một cách rất cảm động. Đó là những kỉ niệm lịch sử trong cuộc đời của tôi, càng nghĩ tôi càng cảm động, càng thấm thía công ơn của Bác, lòng thương yêu của Bác đã dành cho tôi. Bác luôn luôn là hình ảnh thiêng liêng nhưng rất gần gũi với tôi. Trong tâm khảm tôi, một bên là ba má và chị tôi, còn một bên là Bác Hồ."

Sau khi ông mất (ngày 9 tháng 8 năm 1997), tên của Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa đã được đặt cho ba con đường ở ba thành phố lớn nhất của đất nước là Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng... Nhớ ông, người ta nhớ đến một

hoài bão lớn, một tình yêu lớn và một niềm tin vô hạn với Đảng, với Bác Hồ và nhân dân.

*

Năm 1975 khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, có một người đàn ông đã ngoài sáu mươi tuổi theo dòng sông Măng Thít trở về quê sau bốn mươi năm xa cách nơi chôn nhau cắt rốn. Người nhỏ nhắn và gầy gò, ông đứng lặng bên mộ mẹ và cha mà nước mắt tuôn trào: "Con đã về đây, đã làm theo đúng lời nguyện ước của ba, má khi xưa, đã học hành thành đạt và đã cống hiến hết sức mình cho Tổ quốc!"

Đó là Thiếu tướng, Giáo sư, Viện sĩ, Anh hùng Lao động, Bộ trưởng Trần Đại Nghĩa.

Quê nội của ông ở Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhưng ông sinh ra tại quê ngoại, ấp 6, xã Xuân Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, tuổi thơ Phạm Quang Lễ (tên khai sinh của Giáo sư Trần Đại Nghĩa) gắn chặt với dòng sông Măng Thít hiền hòa thơ mộng, hai bờ bát ngát dừa và cây trái.

Mẹ ông, cụ Lý Thị Diệu (1881 - 1941), một người phụ nữ sắc sảo, độ lượng, sùng đạo Phật và luôn làm việc phúc đức, giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn, trẻ mồ côi, người tàn tật. Cha ông, cụ Phạm Quang Mùi (1882 - 1920), vốn là một người uyên bác chữ Hán vì thời thế thay đổi nên chuyển sang học tiếng Pháp, đỗ Thành chung rồi tốt nghiệp trường Sư phạm, về dạy lớp nhất, lớp cuối cấp của Tiểu học Pháp - Việt, tại thị xã Vĩnh Long.

Nhớ đến cha là trái tim ông thắt lại bởi khi còn là cậu bé lên tám tuổi, ông đã phải chứng kiến giờ phút lâm chung của người cha thân yêu. Cha ông đã trăng trối với ông: "Con phải gắng học để trở thành người hữu ích, sau này giúp đỡ người nghèo khổ!"

Sau này, Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã viết:

"Tuổi trẻ thật là quý giá. Khi đã định hướng là khi ta không đánh mất mình trong dòng đời trôi nổi. Tuổi trẻ đủ sức mạnh giúp ta đứng dậy mỗi khi bị sức mạnh phũ phàng đánh ngã. Tuổi trẻ đủ dũng khí vượt lên trên con đường lẻ loi, âm thầm để đi tới tương lai. Tuổi trẻ khát khao tình yêu và cuộc sống,

song khi đã có chí hướng, tuổi trẻ lại có thể dồn toàn bộ khát vọng cho tình yêu lớn. Bây giờ tôi muốn nói lại với các con tôi và tất cả các bạn trẻ như vậy. Đó là kinh nghiệm sống của đời tôi.”

Nhờ nhà báo Vương Quang Ngươi (1897 - 1938) một Việt kiều từ Pháp về, làm việc tại Tòa bố chính Mỹ Tho, là một trí thức yêu nước vận động Hội Ái hữu Trường Chasseloup Laubat (nay là Trường THPT Lê Quý Đôn - Thành phố Hồ Chí Minh), ông đã được cấp một năm học bổng để lên tàu sang Pháp, theo học một lớp dự bị, sửa soạn thi vào đại học. Ông tự hứa sẽ làm tròn tâm nguyện của cha và đền đáp công lao của mẹ.

Mong muốn của Phạm Quang Lễ là ngoài việc học về kĩ thuật dân dụng còn tìm cách học cho kì được kĩ thuật chế tạo vũ khí để giúp nước đánh đuổi giặc Pháp. Ông tự nhủ đó là nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc.

“Từ khi mới ra đi, tôi vẫn có ý định học vũ khí. Ý định đó được củng cố ngay trên đường viễn dương, khi con tàu đi qua kênh Sue, tôi được tin cuộc chiến tranh Italia và Ethiopia

bùng nổ. Những năm tôi du học bên Pháp là thời kì thế giới rung chuyển bởi chiến tranh. Tôi không được phép thi vào các trường đại học quân sự, nhưng tôi biết các môn học có liên quan đến thiết kế - chế tạo vũ khí được dạy trong sáu trường đại học lớn."

Trong hàng nghìn người Việt Nam sang Pháp du học, có lẽ chỉ duy nhất Phạm Quang Lễ có quyết tâm nghiên cứu về vũ khí. Song đây là lĩnh vực bí mật và cấm tuyệt đối người dân thuộc địa. Chỉ cần để lộ ra ý định này, ông sẽ bị trục xuất ngay khỏi nước Pháp. Vì vậy trong mười một năm ở Pháp, ông chỉ có thể tự mò mẫm và bí mật học hỏi, sưu tầm tài liệu về các loại vũ khí.

Muốn đi vào lĩnh vực này cần phải giỏi về khoa học cơ bản, toán học, cơ học, hóa học và kĩ thuật. Vì vậy, Phạm Quang Lễ đã thi lấy bằng cử nhân khoa học ở Trường Đại học Sorbonne, bằng kĩ sư cầu đường ở Trường Cầu công quốc gia, bằng kĩ sư điện tại Trường Đại học Điện và bằng kĩ sư hàng không tại Học viện Kĩ thuật Hàng không, đồng thời thi lấy chứng chỉ ở Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Mỏ. Ngoài ra,

ông còn tự học tiếng Đức để đọc các tài liệu của Đức từ nguyên bản.

Là người nhiệt thành, tận tâm với Tổ quốc, khi ông ra đi, mọi người đều vô cùng thương tiếc và nhớ mãi về ông. Người bạn đời, người vợ, người đã gắn bó chia sẻ mọi nỗi buồn niềm vui cùng ông - bà Nguyễn Thị Khánh, khi được hỏi về chồng của mình đã bồi hồi nhận xét:

- Anh Trần Đại Nghĩa là một nhà khoa học giản dị đã được Bác Hồ giác ngộ, anh ý thức được tinh thần yêu Tổ quốc Việt Nam của mình, anh tha thiết đóng góp sức mình cho hoài bão lớn lao là làm sao cho dân giàu nước mạnh, cuộc sống hòa bình hạnh phúc và tiến lên ngang tầm thế giới văn minh.

Chính vì vậy mà bà Nguyễn Thị Khánh cũng đã dặn dò con cháu:

- Mẹ nghĩ Bác Hồ đã đặt cho ba các con là họ Trần thì các con cũng lấy họ Trần, các cháu cũng lấy họ Trần để giữ đạo đức và truyền thống⁽¹⁾.

(1) Theo lời kể của Đại tá Trần Dũng Trí, người con trai cả của Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa.

Tấm lòng thương yêu của Bác Hồ

*(Ghi theo lời kể của nhà báo Như Quỳnh⁽¹⁾, Tổng biên tập đầu tiên
của Báo Phụ nữ Việt Nam)*

Nhà báo Như Quỳnh được đồng nghiệp đánh giá là người có tầm nhìn rộng rãi và nhân ái. Mỗi khi vào Sài Gòn, tôi đều đến thăm bà ở ngôi nhà nhỏ trên đường Trần Tuấn Khải, quận 5. Theo lời bà kể lại, bà có nhiều dịp được gặp Bác Hồ khi làm báo. “Tấm lòng Bác thương yêu cán bộ nữ viết báo không chỉ biểu hiện ở chỗ Bác dạy cho chúng tôi về nghề nghiệp.”

Bà Như Quỳnh nhớ lại ngày cả nước tổ chức mừng sinh nhật đầu tiên của Bác, ngày

(1) Nhà báo Như Quỳnh (1923 - 2017), tên thật là Võ Thị Ngọc, bí danh Ngọc Nghi, Tổng biên tập đầu tiên của báo *Phụ nữ Việt Nam*.

19 tháng 5 năm 1946. Khi đó, bà đang là phóng viên báo *Tiếng gọi Phụ nữ*, thuộc Trung ương Hội Phụ nữ Cứu quốc:

“Như mọi người, chúng tôi rất muốn vào chúc mừng Bác. Nhưng chúng tôi nghĩ, đây là ngày lễ lớn, chỉ các vị bộ trưởng, các đại diện đoàn thể, có công hiến nhiều cho cách mạng thì mới được đến chúc mừng Bác, còn chị em chúng tôi, những người cán bộ bình thường thì cứ cố làm công việc của mình, hằng tuần được gặp Bác đã là hạnh phúc lớn rồi, và chúng tôi không dám đến.

Ngày hôm sau, có cuộc họp báo. Anh Cù Huy Cận cho chị Thanh Thủy và tôi biết hôm qua Bác bảo thế nào báo *Tiếng gọi Phụ nữ* cũng vào và Bác để phần bánh cho chúng tôi.

Trước đó, hai cán bộ phụ nữ là Như Quỳnh và Thanh Thủy được cử đến xin ý kiến Bác về tờ báo *Tiếng gọi Phụ nữ* sắp xuất bản. Bác hỏi hai nữ phóng viên:

- Các cô có con chưa?
- Dạ chưa ạ! - Bà Thanh Thủy đáp.
- Thế các cô có biết quần tã cho bé không?

Cả hai còn lúng túng chưa kịp trả lời, Bác bảo:

- Viết báo phụ nữ không thể chỉ ngồi trong bốn bức tường rồi nghĩ ra viết điều này điều nọ, mà phải viết về những chuyện, những việc cụ thể, thiết thực trong đời sống hằng ngày của phụ nữ, của bà mẹ, của trẻ em.

"Chỉ một câu nói, Bác đã chỉ cho chúng tôi rõ nhiệm vụ, chức năng và cả phương pháp làm báo, viết báo phụ nữ." Bà Như Quỳnh luôn ghi nhớ như thế.

Trong nhiều kỉ niệm về Bác, bà Như Quỳnh nhớ về Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua lần đầu tiên vào năm 1952. Mọi người náo nức khen ngợi hai bản báo cáo của anh hùng Nguyễn Thị Chiên và chiến sĩ thi đua Phạm Thị Nhật.

"Một hôm, Bác đến thăm cơ quan, chị em chúng tôi đều nhắc đến hai bản báo cáo ấy. Bác hỏi:

- Các cô có biết vì sao mà báo cáo của các cô ấy hay không?

Chị Đinh Thị Cẩn thưa:

- Đó là do chị Chiên, chị Nhật đều sống trong thực tiễn chiến đấu cho nên nói lên sự thật rất sinh động.

Bác vừa cười vừa nói:

- Đúng thế, nhưng không phải chỉ có thế. Các bản báo cáo ấy hay còn là do không có sự sửa chữa, thêm thắt của nhiều người khác...

Tôi suy nghĩ rất nhiều. Câu nói ý nhị của Bác nhắc nhở tôi mỗi khi sử dụng hoặc biên tập lại bài của thông tin viên, bạn đọc trong đông đảo nhân dân, phải luôn luôn cố gắng ghi lại đúng đắn, trung thực những lời và những ý mộc mạc, giản dị của những con người trực tiếp sản xuất, chiến đấu, không thể tùy tiện sửa đổi thêm bớt theo ý nghĩ chủ quan của mình."

*

Năm mười bốn tuổi, lần đầu tiên trong đời, cô thiếu nữ tỉnh Sa Đéc, một tỉnh nhỏ ở miền Tây (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), rời nhà lên Sài Gòn học tại Trường Áo Tím (tên Tây là Collège des Jeunes Filles Indigènes -

trường trung học cho nữ sinh bản xứ - nay là Trường Nguyễn Thị Minh Khai).

Đây cũng là lần đầu tiên cô phải học tất cả các môn học bằng tiếng Pháp, dưới sự chỉ dạy của bà giáo Lý Thị Xuân Yến - vợ bác sĩ Trần Văn Đôn. Với bốn năm học ở trường Tây (1937 - 1941), tinh thần "tự do, bình đẳng, bác ái", giúp bà sống tự lập và khẳng khái giữa cuộc đời.

Cái đầu bé nhỏ của cô nữ sinh Võ Thị Ngọc được bà giáo Xuân Yến mở cửa thuở ban đầu đã đón đủ mọi xu hướng văn học thế kỉ XVII - XIX của Pháp và trong số đó có những câu thơ của Musset được cô thuộc lòng, ví dụ như:

*"Les plus désespérés sont les chants
les plus beaux*

*Et j'en sais d'immortels qui sont de
purs sanglots."*⁽¹⁾

Hồi đó, nam sinh trường Pétrus Ký có ra một tờ nội san chép tay trên giấy thép, đặt tên là

(1) Tạm dịch:

*Những câu ca tuyệt vọng là những câu ca hay nhất
Và tôi biết nhiều câu ca bất hủ chỉ thuần là những tiếng nấc thôi.*

tờ *Hợp Quần*. Nam sinh nhạo nữ sinh bằng một bức vẽ viễn cảnh gồm mấy đường thẳng dưới đường chân trời chụm về một điểm, phía trên có quẹt thêm cho thành một con đường xa tít mù tấp.

Nữ sinh Áo Tím cũng chẳng kém, cho ra tờ *Tương Lai* vẽ ba, bốn sợi dây giăng chông chéo, trên treo đủ các loại quần. Đó là mong ước "hợp quần" để giành "tương lai" cho đất nước, song được thể hiện với chút ít hài hước gây cười.

Thế rồi, cô nữ sinh ấy rời xa bút nghiên, lên đường để thực hiện mong ước "hợp quần".

Kể đến đây, dù đã ngoài chín mươi tuổi, bà Như Quỳnh vẫn say sưa nhắm hát cho tôi nghe những lời ca hùng tráng của những người lính chân đất đứng lên bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ cách mạng, sau này thành Quốc ca nước Pháp: "*... Aux armes, citoyens Formez vos bataillons Marchons, marchons! Qu'un sang impur Abreuve nos sillons.*"⁽¹⁾

(1) Tạm dịch: Các công dân hỡi! Hãy cầm vũ khí! Tiến lên, tiến lên! Một loại máu vẫn đục đang tràn lên đồng ruộng chúng ta.

Bà Như Quỳnh là con gái cụ cử Võ Hoành, một trong những người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX, cùng các cụ Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ... Không đỗ đạt trong khoa cử nhưng với kiến thức thực học của mình, cụ Võ Hoành vẫn được mọi người tôn kính như một ông cử nhân và gọi cụ là Cử Hoành.

Trong lần theo bà về quê mẹ (làng quan họ Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) năm 2014, ngồi trên xe, bà đọc cho tôi nghe những lời thơ về Đông Kinh Nghĩa Thục cả trăm năm trước:

Tội danh đổ đám Nho lưu

Bắc Kì thân sĩ đứng đầu năm tên.

Năm tên, đó là cụ Nguyễn Quyền, cụ Lê Đại - đỗ đầu xứ. Thứ ba là cụ Võ Hoành. Thứ tư là cụ Dương Bá Trạc. Thứ năm là cụ Hoàng Tăng Bí. Cả năm người đều bị chính quyền thực dân ra lệnh xử tử. Sau đó, Hội Nhân quyền bên Pháp bênh vực, án giảm xuống chung thân khổ sai, đày ra Côn Đảo.

Lên sáu tuổi được học chữ Nho với cha, năm mười bốn tuổi thì bà xa nhà lên Sài Gòn học rồi thoát li hoạt động cách mạng (mà bà nói vui với tôi là "lưu lạc giang hồ"). Cha dạy chữ Nho, còn những chiến sĩ cách mạng Hà Huy Giáp, Nguyễn Kim Cương về gây cơ sở đã dạy bà chữ Tây.

Vì thế, bà không nhớ các thầy ở trường đã dạy chữ khi mới bước vào lớp 1 như thế nào. Văn Nôm cha dạy giúp bà từ nhỏ đã thấm nhuần luân thường đạo lí.

Sau này, kĩ sư Lê Võ Bạch Thông, con trai bà kể lại: Bà nổi tiếng Trường Áo Tím vì vừa thông minh, học giỏi, vừa xinh đẹp nhất trường. Thời gian đó thái tử nước láng giềng đang theo học tại Trường Chasseloup Laubat - Sài Gòn (nay là Trường THPT Lê Quý Đôn) vô cùng ngưỡng mộ bà.

Bà học nội trú, cuối tuần ô tô gia đình lên đón bà đã thấy thái tử đầu đội mũ phớt trắng, com lê trắng, ca ra vát trắng, giày trắng đứng đợi ở cổng trường.

Thái tử tự lái ô tô đi theo ô tô gia đình bà. Chuyến phà ở Mỹ Thuận những ngày đó như

rực rỡ hẳn lên, một chàng trai hào hoa phong nhã và nhất là cô học sinh áo dài tím với nét mặt rạng rỡ thông minh. Thái tử đi đến tận Sa Đéc nhà bà mới chịu quay về Sài Gòn.

Đỗ Thành chung ở Trường Áo Tím rồi bà đỗ đầu khi thi vào Trường Pétrus Ký - Sài Gòn (nay là Trường THPT Lê Hồng Phong) hệ tú tài toàn phần. Chính phủ thuộc địa chọn cấp học bổng toàn phần cho sang Pháp học nhưng bà đã từ chối.

Từ chối học bổng sang Paris, từ chối lời cầu thân của thái tử nước láng giềng, bà quyết định tham gia Việt Minh để góp sức mình vào con đường mà người cha thực hiện dang dở, đó là giành độc lập dân tộc. Bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 năm 1944, rồi lập gia đình với người đồng chí là Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ.

Cách mạng Tháng Tám, rồi Nam Bộ chuẩn bị bước vào kháng chiến trường kì. Bà được ông Hoàng Quốc Việt - Thường vụ Trung ương Đảng, cử mang tài liệu của Xứ ủy Nam Kỳ ra Hà Nội báo cáo tình hình với Trung ương Đảng.

Ấm con trai mới sinh trên tay, bà ra đến Thanh Hóa ngày 23 tháng 9 năm 1945 thì được tin qua Đài Tiếng nói Việt Nam: quân Anh mới chiếm Nam Bộ phủ. Chính chuyến ra Bắc công tác năm 1945 đã gắn cuộc đời bà với báo chí. Bà được giao cùng bà Thanh Thủy - vợ Bộ trưởng Bộ Thanh niên Dương Đức Hiền - cùng phụ trách nội dung tờ báo *Tiếng gọi Phụ nữ*.

Từ báo *Tiếng gọi Phụ nữ*, bà làm báo *Cứu quốc khu 2*, cho đến khi về báo *Phụ nữ Việt Nam* mà bà tự nhận là người may mắn được cử làm Tổng biên tập đầu tiên.

Chiếc áo Bác Hồ

(Theo lời kể của cụ Trần Thị Minh Châu⁽¹⁾, nguyên Chánh Văn phòng Khu Giải phóng Trung ương, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Hà Đông, Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên, Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, Cục trưởng Cục Xuất bản Bộ Văn hóa...)

*

Có thể nói rằng, cụ bà Trần Thị Minh Châu là một nhà báo lão thành, vì cụ từng tham gia viết Báo Đảng bí mật từ thời kì Mặt trận Bình dân năm 1939 với các đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư Trường Chinh, đồng chí Hoàng Văn Thụ, đồng chí Đào Duy Kỳ... Rồi sau đó cụ là người phụ trách (như Tổng biên tập bây giờ) tờ báo *Bãi Sậy* ở Hưng Yên (cùng nhà văn Học Phi)... Những năm

(1) Cụ Trần Thị Minh Châu (1922 - 2016), nguyên Cục trưởng Cục Xuất bản - Bộ Văn hóa (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).

gần đây, cụ vẫn viết báo, viết sách. Còn bây giờ: "Bà già rồi, yếu rồi, không còn viết nữa, chứ cũng có nhiều chuyện đáng để viết lắm đấy." Tôi xin cụ kể cho nghe những kỉ niệm ở Tân Trào, ngày cụ làm Chánh Văn phòng Khu Giải phóng Trung ương.

Cụ Trần Thị Minh Châu hồi tưởng...

Tháng 4 năm 1945, đang công tác tại Võ Nhai - Đình Cả (Thái Nguyên), sau khi chỉ huy Cứu Quốc quân đánh thắng thực dân Pháp liên tiếp ở Tràng Xá, La Hiên và Đình Cả thì có quyết định của cấp trên điều tôi về Tân Trào nhận nhiệm vụ mới.

Sau nhiều ngày trèo đèo lội suối, tôi đã đến được Tân Trào thuộc châu Tự Do (Sơn Dương - Tuyên Quang) Thủ đô cách mạng. Tại Tân Trào đã thành lập Ủy ban Khu Giải phóng Trung ương lâm thời gồm sáu tỉnh: Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn - Hà Giang - Tuyên Quang - Thái Nguyên do đồng chí Tổng (Phạm Văn Đồng) làm Chủ tịch, đồng chí Hưng (Võ Nguyên Giáp) làm Ủy viên thường trực. Cảnh nhà của Ủy ban Khu Giải phóng Trung ương có hai đơn vị là Ban quản lí

do đồng chí Lý (Hoàng Hữu Kháng) phụ trách và Văn phòng, khi tôi về liền được cử phụ trách, lấy bí danh là Chi.

Một hôm có một đồng chí lên Tân Trào vào Văn phòng đề nghị: "Cho tôi gặp đồng chí Chi". "Vâng, mời anh vào". Ông ấy cứ loay hoay mãi: "Tôi có việc cần lắm, chị cho tôi gặp đồng chí Chi ngay, càng sớm càng tốt. Tôi chỉ muốn gặp đồng chí Chi để giải quyết công việc này, xong tôi phải về ngay." Lúc bấy giờ buồn cười, tại sao mình không nói: "Tôi là Chi đây!" mà lại cứ: "Vâng mời anh vào làm việc."

Thấy khách cứ bần khoản đi ra đi vô, cậu Nguyễn Chính (tức Du Phong) đang ngồi đánh máy ở phòng trong, chạy ra bảo: "Thì đồng chí Chi là đồng chí này chứ còn ai nữa mà từ nãy giờ cứ lằng nhằng mãi." Ông kia ngạc nhiên: "Chị là đồng chí Chi à?" "Vâng, tôi là Chi." Ngồi làm việc một lúc lâu, đến khi xong việc, ông ấy đứng lên bảo: "Tôi xin lỗi chị, tôi tưởng người tên Chi là anh Chi." Tôi bảo: "Có gì đâu mà phải xin lỗi."

Thì ra, các tỉnh trong vùng giải phóng nhận được công văn từ Văn phòng Khu Giải phóng, lại nghe nói người phụ trách Văn phòng là đồng chí Chính trị viên Cứu Quốc quân từng chỉ huy đánh thắng quân Pháp ở Võ Nhai, thế nên cứ yên chí đây là một nam giới và rất bất ngờ khi thấy đó là một cô gái trẻ đẹp mới hai mươi ba tuổi.

Thời gian ở Tân Trào, tôi cùng anh em được xếp ở nhà ông Tiến Sự là một già bản có uy tín nhất làng Kim Long. Hằng ngày, tôi được anh em và đồng bào kể nhiều chuyện về "Ông Ké" người dong dỏng cao, quắc thước, nhanh nhẹn, đặc biệt ông có đôi mắt rất sáng, rất tinh anh. "Ông Ké" mới về đây được vài tháng đã dựng lán bên lưng núi Nà Lừa để ở và làm việc. Nhưng ông luôn quan tâm đến đồng bào nên được đồng bào vô cùng quý mến.

Phải hơn một tháng sau khi tôi đến Tân Trào công tác, đồng chí Lê Giản mới "bật mí" cho tôi biết "Ông Ké" chính là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, là Cụ Hồ Chí Minh.

Với anh em phục vụ, "Ông Ké" luôn gần gũi và quan tâm. Lúc đó bên cạnh lán của Bác còn có lán điện đài liên lạc với quân Đồng minh do một số người Mỹ trong nhóm tình báo "Con Nai" của OSS làm việc. Mỗi lần đi công tác với các bạn Mỹ về, bao giờ Bác cũng có quà, dù món quà rất đơn giản, cho mọi người, nhưng đó là thể hiện tấm lòng của Bác.

Có một kỉ niệm tôi không bao giờ quên trong cuộc đời của mình. Một hôm, Bác được các bạn người Mỹ tặng chiếc áo bu lông để mặc vào mùa đông giá rét. Bác không dùng cho riêng mình mà đem ra cho anh em. Nhưng cơ quan Ủy ban Giải phóng rất đông người nên Bác bảo hãy bắt thăm để cho công bằng. Thấy tôi ngồi im lặng không tham gia, Bác bảo tôi cũng phải bắt thăm. Tôi giã nảy vì người tôi bé nhỏ, còn cái áo thì vừa to vừa rộng thùng thình làm sao tôi mặc được. Bác ôn tồn nói: "Cô vẫn phải tham gia bắt thăm, không phân biệt nam nữ." Cuối cùng tôi lại chính là người bắt trúng, cái áo thuộc về tôi. Lúc đó Bác

mới nhẹ nhàng: “Bác không tặng cái áo này cho cô Chi đâu. Cô giữ lấy đến khi nào chú ấy ở ngoài Côn Đảo về thì để chú ấy mặc.”

Tôi sửng sốt quá vì chưa bao giờ tôi thấy Bác hỏi về hoàn cảnh gia đình tôi. Vậy mà Bác biết rõ anh Đào Duy Kỳ, chồng tôi, đang ở nhà tù Côn Đảo. Tôi cảm động quá không cầm nổi nước mắt. Tôi thấy tấm lòng của Bác thật minh mông. Đó là tấm lòng của người cha vô cùng tôn kính, vô cùng thân thương, luôn luôn lo lắng, chăm sóc hết mực cho con cái. Từ đó, đi đâu tôi cũng mang chiếc áo theo bên người.

Hà Nội tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Bác và các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn... về Hà Nội. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan, Lê Giản... và tôi được Bác giao nhiệm vụ vẫn tiếp tục ở lại xây dựng và củng cố căn cứ Việt Bắc.

Cuối tháng 9 năm 1945, trước yêu cầu mới của cách mạng, chúng tôi lần lượt về Hà Nội nhận nhiệm vụ. Đồng chí Phạm Văn Đồng làm Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng chí

Lê Giản làm Giám đốc Nha Công an Trung ương. Tôi tham gia phong trào Nam tiến, cùng đoàn với đồng chí Lê Đức Thọ, để có điều kiện sớm gặp anh Đào Duy Kỳ vừa được đón từ Côn Đảo về đất liền.

Cũng trong khi ấy, người Mỹ muốn xâm nhập Đông Dương để ngăn chặn sự tấn công của Nhật ở phía Nam Trung Quốc và Đông Dương. Họ gặp phải nhiều khó khăn, nên cũng cần tìm một đối tác hợp lí để nhanh chóng vào sâu Đông Dương.

Một sự kiện tình cờ đã đến - một máy bay của Mỹ bị trúng đạn Nhật, phi công đã nhảy dù xuống vùng núi gần thị xã Cao Bằng - được Việt Minh cứu.

Bác Hồ đã lệnh phải bảo vệ an toàn và bí mật đưa về gặp Bác. Người phi công ấy là Trung úy Sao (William Shaw).

Bác Hồ đã gặp Sao nói chuyện chân tình. Quà tặng cho Sao là một tấm lụa trắng thêu dòng chữ tiếng Anh "Chúc mừng khách đến", một tấm vải đỏ có chữ kí của nhiều hội viên Mặt trận Việt Minh ủng hộ Đồng minh chống phát xít.

Bác Hồ còn tặng Sao một bản dịch tiếng Anh toàn văn bản *Chương trình Việt Minh* rồi cho người đưa Sao về Côn Minh. Sao đã báo cáo tất cả những gì tai nghe mắt thấy, tất cả sự chăm sóc bảo vệ của Việt Minh cho tướng Sê-nô (Claire L. Chernault).

Sau đó không lâu, Bác Hồ với danh nghĩa là phái đoàn của Việt Nam độc lập đồng minh sang đàm phán với Mỹ - Đồng minh về hợp tác đánh Nhật, đã gặp được tướng Sê-nô. Qua sự phản ánh của Trung úy Sao, qua tình báo riêng của Bộ Tư lệnh và cũng qua sự tiếp xúc với Bác Hồ, người Mỹ rất vui mừng vì đã nhận được những thông tin hết sức quan trọng về quân Nhật trên lãnh thổ Đông Dương. Ngoài ra, Việt Minh còn giúp đỡ cứu trợ những phi công Mỹ bị nạn và một số yêu cầu khác của Đồng minh.

Về phía Việt Minh, Bác Hồ chỉ mong muốn Mỹ giúp đỡ vũ khí, điện đài và giúp đào tạo cán bộ, nhân viên sử dụng vũ khí, điện đài.

Tướng Sê-nô đã tin cậy đáp ứng mọi yêu cầu của Bác Hồ.

Khi trở về Việt Nam, có hai người Mỹ cùng về với Bác. Họ trở thành những người Mỹ đầu tiên có mặt ở Khu Giải phóng Việt Nam. Họ có nhiệm vụ đón tiếp những người Mỹ khác sẽ lần lượt đến.

Trong chuyến đi này, Bác giành được hai mục đích: Một là đã gây được thiện cảm với Mỹ - Đồng minh, tranh thủ được sự giúp đỡ của Mỹ - được Mỹ công nhận vai trò của Việt Nam trong sự hợp tác đánh Nhật. Hai là đã tạo được thế vững chắc cho cách mạng Việt Nam bên cạnh người bạn láng giềng Trung Quốc.

Vào lúc 16 giờ ngày 16 tháng 7 năm 1945, chúng tôi đón đoàn phi công nhảy dù xuống Tân Trào gồm sáu người do Thiếu tá Tô-mát (Thomas) chỉ huy.

Để chuẩn bị tiếp đoàn Mỹ, Bác Hồ bảo chúng tôi phải làm một bữa tiệc mừng.

Chúng tôi lại chụm đầu vào bàn bạc: Khó quá, ở giữa rừng này làm gì có thực phẩm, bát đĩa cũng không. Cũng chẳng ai biết nấu cơm Tây, lại còn tiệc Tây nữa.

Biết nỗi lo của chúng tôi nên Bác nói:

- Các chú, các cô bí rồi phải không? Vậy hãy cho người sang Định Hóa nhờ Chủ tịch Chanh mua giúp cho con bê, đem về thui chín vàng, để cả con nằm trên chõng tre. Hai bên làm dẫy ghế ngồi bằng tre nữa. Sắp mỗi người một con dao (người Mỹ đã sẵn có dao và nĩa). Có đĩa muối, đĩa gừng, có rượu do đồng bào tự nấu, uống bằng bát to. Mọi người tự do thích ăn chỗ nào thì tự cắt lấy.

Chúng tôi nhìn nhau ngẩn ngừ. Bác như đã hiểu, Người giải thích luôn: "Không có gì ngại cả - kể cả Tây và ta, không phải ai cũng được ăn một bữa tiệc dân dã trong rừng đâu. Cứ làm đi, để rồi xem họ có thích không? Còn thú vị lắm nữa kia!"

Quả là sau đó, đoàn Mỹ rất hài lòng, mừng rỡ lắm. Chúng tôi lại thì thầm với nhau:

- Đúng là Bác không chỉ rành việc lớn mà thạo cả việc nhỏ, mọi việc đều chu đáo!

Đoàn Mỹ sang Việt Nam chỉ mang theo lương khô. Bác lại bàn phải lo thực phẩm tươi sống cho họ. Mỹ bây giờ là Đồng minh, là bạn của mình, nên phải chăm lo sức khỏe

cho họ, không để họ sống thiếu thốn, kham khổ như mình.

Ủy ban Khu Giải phóng đóng ở Tân Trào, nhân dân huyện Sơn Dương vốn rất nghèo. Chúng tôi phải sang huyện Định Hóa bàn với Chủ tịch Chanh. Đồng chí Chanh nhận lời ngay và cử hai hội viên là Nguyễn Văn Sách và Ma Văn Bầu lo việc này.

Từ đây cứ cách hai, ba ngày lại có một đoàn người vừa gánh vừa khiêng những đậu, thịt, rau, trứng, măng từ Định Hóa sang... Họ phải leo qua đèo De, luồn rừng trên hai mươi cây số mới đến được Tân Trào. Các bạn Mỹ thích ăn thịt thú rừng nên có khi được cả một con dê, hay có lần một con nai còn nguyên cặp lộc nhung mềm.

Có mấy tháng liền nhân dân Định Hóa tiếp tế cho cả Khu Giải phóng, trong khi ấy gia đình con cái họ chỉ ăn con cá, con ốc bắt được ở suối với lọ măng ngâm ớt.

Đồng bào nói:

- Mình nuôi bạn Mỹ để Mỹ cùng bộ đội Cụ Hồ đánh Tây, đuổi Nhật, nước Việt Nam được độc lập tự do, mình sẽ được ấm no.

Trước khi về Hà Nội, Bác lại dặn chúng tôi:

- Ta chẳng có tiền, cũng chẳng có vật gì kỉ niệm cho đồng bào. Có đồng dù của Mỹ, các cô chịu khó tháo từng ô đem biếu đồng bào. Tính theo đầu người, mỗi người một mảnh. Đồng bào có thể cắt may áo, may chăn.

Nhận được món quà nhỏ từ những tấm vải dù nhân dân rất phấn khởi.

Đồng bào Sơn Dương, Định Hóa, cũng như mọi người dân Việt Nam đã có tập quán nuôi quân, khi còn là du kích, dân quân tự vệ. Nhân dân không chỉ nuôi ăn mà còn mang tặng cả quần áo, lo giày dép, thuốc men. Không bao giờ nhân dân đòi thanh toán. Họ nói: Con cái góp cho cách mạng còn được thì tài sản của dân cũng là của cách mạng, của nước nhà.

Chữa răng Bác Hồ ở Chiến khu Việt Bắc

Ngày 11 tháng 12 năm 1996, khi viết những hồi kí “Tôi đi chữa răng Bác Hồ”, nha sĩ Nguyễn Dương Hồng⁽¹⁾, nguyên Trưởng khoa Răng Hàm Mặt - Viện Quân y 108, chia sẻ: *“Hôm nay viết lại việc chữa răng Bác - thực ra là nhớ răng - tôi càng nhớ Bác. Kính phục một người suốt đời vì dân tộc, một vị Chủ tịch nước giản dị và tiết kiệm.”*

*

Theo các tài liệu của ngành Răng Hàm Mặt của Việt Nam, tháng 10 năm 1939,

(1) Giáo sư, bác sĩ Nguyễn Dương Hồng (1918 - 2009), nguyên Trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Viện Quân y 108.

chính phủ bảo hộ Pháp đã cho mở thêm một số ban tại Trường Đại học Y Dược hỗn hợp chung cho cả Đông Dương tại Hà Nội (nay là Trường Đại học Y Hà Nội), trong đó có Ban Răng Miệng (Section d' Odonto - Stomatologie). Ngay những năm đầu tiên thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trường Đại học Y - Dược Hà Nội làm lễ tốt nghiệp cho mười nha sĩ trong đó có nha sĩ Nguyễn Dương Hồng. Tháng 9 năm 1946, nha sĩ Nguyễn Dương Hồng được bổ nhiệm là Ủy viên thanh tra Cục Quân y, được giao tổ chức đội chữa răng lưu động, mở đầu cho hoạt động của ngành Nha dân và Quân y của cả nước.

Trong hồi kí của mình, nha sĩ Nguyễn Dương Hồng kể lại:

Sau hè 1948, làm xong một vài việc do Cục Quân y giao, tôi làm nghề chữa răng trong Quân y. Dụng cụ chữa răng tôi mang ra kháng chiến khá nhiều, nhưng đã bỏ lại ở Bắc Kạn sau khi Pháp nhảy dù, chỉ còn mấy dụng cụ nhỏ răng mà tôi luôn mang theo người khi đi công tác.

Một hôm, tôi được gọi đi chữa răng cho Bác.

Qua mấy lần chờ ở cơ quan liên lạc, mỗi chỗ vài ngày, tôi mới tới được nơi Bác đợi, ở chân đèo De thuộc dãy Tam Đảo. Nơi gặp Bác là một cái lán bỏ không. Tôi khám, nhổ ba chân răng cửa và một chân răng nanh hàm trên trong mười hôm. Tôi không hỏi bệnh sử, nhưng trước lúc nhổ răng, bác sĩ Lê Văn Chánh có thử thời gian máu chảy và máu đông.

Nhổ răng bình thường. Tôi ra về và hẹn sẽ làm răng giả cho Bác.

Trong thời gian chữa răng, tôi ăn ngủ trên một sạp nứa dài cùng Bác và mấy anh bảo vệ. Thức ăn đựng trong một ống nứa ngô gồm một phần muối, một phần thịt, một phần ớt. Có ớt là để phòng sốt rét.

Những lúc nghỉ việc Bác nói chuyện với tôi. Tôi nhớ lần đầu, Bác hỏi tôi đã đọc quyển Tuyên ngôn Đảng Cộng sản chưa? Tôi đáp, đã đọc. Bác dạy tôi phải đọc năm, sáu lần, đọc thông thạo mới hiểu hết được. Tôi cũng kể chuyện sinh sống của dân nơi tôi ở. Tôi có kể một ông cố đạo nói với tôi về chủ nghĩa

duy vật và chủ nghĩa duy tâm mà tôi biết rất lơ mơ. Bác hỏi lại: "Máy bay địch đánh ta là duy vật hay duy tâm?"

Ở chỗ Bác về, tôi đi một vòng từ Thái Nguyên tới Thái Bình, Hải Hậu, Kim Sơn để mua dụng cụ làm răng giả. Tôi mua được một cần dẻo đã rỉ không quay được, mấy cái răng cài không đúng kiểu mặt răng của Bác. Trở về cơ quan, tôi làm một hàm răng giả bằng vàng, móc vàng, có mang răng sứ. Một hàm giả rất nặng và rất xấu nhưng cũng che được nơi mất răng và tôi lên chỗ Bác ở, lắp hàm cho Bác.

Sau đó, vào năm 1950, tôi được gọi lên sửa hàm giả, vì hàm cũ để trong một cái chén uống nước, một người không biết, hất đi, răng sứ bị vỡ. Lúc này, trong tay tôi không còn đồ làm răng giả. Tôi bèn lấy khuôn đồ mẫu và nhờ anh Khuất Duy Tiến, lúc đó lên chiến khu họp, gửi mẫu về Hà Nội, nhờ các bạn tôi làm theo Bác dặn, tôi không nói làm hàm cho ai, vậy mà sau này khi trở về Hà Nội anh em cũ đều biết là làm hàm cho Bác. Hàm làm bằng nhựa hồng và răng bằng

nhựa màu đẹp. Tôi lại được gọi lên lắp hàm giả cho Bác.

Những lần sau này, tôi lên chỗ Bác ở và được biết về sinh hoạt của Bác. Bác dậy sớm và đánh bóng chuyền với anh em. Có lúc lâu bóng không đến chỗ Bác. Bác gọi: "Truy tố đi!" rất vui vẻ. Hằng ngày Bác tắm: một chậu nước đun sôi, để nguội bớt. Bác dùng khăn mặt lau từ đầu đến chân. Bác ăn uống rất tiết kiệm. Lúc đầu, Bác ăn cùng anh em bảo vệ, sau Trung ương quyết định Bác phải ăn thêm vì hình như Bác mới ốm xong. Ngồi ăn, Bác chia phần thức ăn riêng ra làm nhiều phần để anh em cùng ăn, nên chi bộ quyết định, Bác ăn riêng cùng bác sĩ Lê Văn Chánh. Lúc tôi lên, tôi ăn ở "mâm" đó. Chỉ có vài miếng thịt, thật là tiết kiệm. Hôm nào có món ăn nhiều, Bác san ra, ba Bác cháu chỉ ăn một phần, mà ai ăn sau phải ăn hết. Bác ăn nhanh, lần nào cũng xong trước. Bác để đĩa vào khay và nói chuyện, chuyện hoạt động của Bác lúc trước, cho tới khi mọi người ăn xong. Có lần Bác kể, Bác đi công tác bốn mươi cây số mỗi ngày, lúc cần đi gấp, Bác đi

sáu mươi cây số mỗi ngày. Cũng có lần Bác kể, lúc trước Bác ăn khỏe, Bác cầm cả tảng cháy, Bác giơ hai tay làm hiệu, gập chỗ sanh đồng⁽¹⁾ Bác bỏ đi và ăn tiếp. Bác kết luận lúc ăn được thì chẳng có cái ăn, lúc có cái ăn lại không ăn được. Bác chỉ ăn mỗi bữa hai bát.

Bác bận việc là điều dễ hiểu. Tôi chẳng có việc gì làm. Có lần, Bác đưa cho tôi một quyển sách, bảo tôi đọc và chiều tôi báo cáo với Bác. Sách nói về lịch sử chống ngoại xâm của ta. Chiều tôi báo cáo với Bác, Bác bảo: "Chú không thấy là bây giờ ta giải phóng dân tộc để rồi làm cho mọi người được hưởng hạnh phúc sao." Một lần khác, Bác đưa cho tôi một tập tài liệu do Bác viết và đánh máy, bảo tôi đọc và chiều, lúc sinh hoạt nói lại cho anh em nghe. Ngay từ lần đầu gặp Bác, Bác đã bảo tôi sách của Mác viết văn chương, sau này Lê-nin viết dễ hiểu vì nói với công nông. Buổi chiều, tôi nói với anh em, tôi đã tránh dùng các từ chính trị khô khan. Tôi nói xong, Bác hỏi anh em có hiểu không và bảo tôi nói lại. Lần thứ hai tôi nói đơn giản hơn

(1) Rỉ đồng ở đây nổi bám vào. (BT)

và không phải nói lại nữa. Bản tài liệu Bác viết đó, tôi không nhớ tên, nhưng anh Vũ Kỳ, thư kí của Bác biết.

Bác sĩ Lê Văn Chánh sẵn sóc sức khỏe cho Bác, nhưng cũng là thầy thuốc của An Toàn Khu. Có lúc đang ăn cơm, có điện thoại gọi. Ăn xong anh Chánh đeo ba lô thuốc lên vai và đi đến chiều: một anh coi ngựa ở cơ quan gần đó đau bụng. Ngay từ lần tôi mới lên chữa răng, đang đêm có người gọi, anh Chánh cũng vác thuốc đi.

Sang năm 1952, tôi lại được gọi lên chữa răng cho Bác. Tôi khám thấy răng hàm thứ nhất, hàm dưới, bên phải bị rách đôi đến dưới lợi, tủy còn sống. Tôi hỏi chắc Bác đau lắm, Bác ừ. Răng lại phải nhổ. Lúc tôi nhổ răng cho Bác, có hai đồng chí trong Nam ra quay phim 8mm. Sau này được xem phim tài liệu về Đại hội 2, Bác phát biểu rất hăng hái. Nhưng ai biết, khi ấy Bác đau lắm, vì má, lưỡi động vào răng là rất đau. Vậy mà Bác nói như không đau đớn gì.

Phút giải lao của Hồ Chủ tịch và Đại tướng Võ Nguyên Giáp

“Vị lãnh tụ tối cao, vị nguyên thủ quốc gia cao tuổi như Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân ra tiền tuyến cùng quân dân đánh giặc xâm lăng. Thật là xưa nay hiếm!”

Đó là nhận xét của nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Năng An⁽¹⁾ khi trả lời nhà báo Trần Dương lúc được hỏi cảm tưởng của nghệ sĩ về những bức ảnh Bác Hồ đi chiến dịch Biên giới (1950). Thoáng cái đã sáu mươi năm qua đi, những nhân chứng trong những bức ảnh Bác Hồ đi chiến dịch Biên giới phần nhiều đã thành người thiên cổ, chỉ còn Đại tướng

(1) Nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Năng An (1916 - 2004) nguyên Giám đốc Hãng phim truyện Việt Nam, Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật (1996).

- Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đang ở tuổi đại thọ một trăm tuổi.⁽¹⁾

Trong gia tài nghệ thuật nhiếp ảnh của Vũ Năng An đưa ông đến với giải thưởng Hồ Chí Minh ngay đợt đầu tiên (1996), có bức ảnh nổi tiếng: "Bác Hồ tại mặt trận Đông Khê", đã được nhiều người biết đến. Duy có câu chuyện về phút ngã lưng trên đường đi Chiến dịch Biên giới (1950) giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thì cứ cuốn hút tôi mãi...

Mùa xuân năm 1950, sau bốn năm kháng chiến gian khổ, quân dân ta đã vươn lên chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Quyền chủ động trên chiến trường đã không còn thuộc về quân đội Pháp. Trung ương Đảng và Bác Hồ đã quyết định mở thông biên giới phía Bắc để nối liền căn cứ địa kháng chiến với bạn bè quốc tế.

... Cuối tháng 7, trước khi lên đường đi chiến dịch, Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp từ Diêm Mạc sang Tân Trào báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh để lên đường.

(1) Bài này tác giả viết năm 2010. (BT)

Khi chia tay, Bác nói: "Chiến dịch này hết sức quan trọng, chỉ được thắng không được thua!" Đồng thời Bác hẹn cuối tháng 8 hoặc đầu tháng 9 sẽ có mặt ở Cao Bằng. Nghe Cụ nói xong, anh Văn vui mừng khôn xiết. Sự có mặt của Cụ là một nguồn động viên vô giá đối với toàn quân. Nhưng ngay sau đó là một nỗi lo: Lãnh tụ tối cao ra tận nơi mũi tên hòn đạn là chuyện hiếm thấy. Phải làm sao bảo đảm bí mật, an toàn cho chuyến đi của Cụ ra mặt trận.

Một ngày đầu tháng 9 năm 1950, từ ngôi nhà sàn tre nửa cạnh bản Khuân Tác, ở huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Bác Hồ đã lên đường đi chiến dịch. Cùng với đoàn tùy tùng, nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Năng An được cử đi chụp ảnh Bác Hồ suốt dọc đường hành quân ra trận...

Trong khi Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch triệu tập cuộc họp cán bộ chỉ huy từ trung đoàn trở lên thông qua kế hoạch đánh Đông Khê lần cuối, làm đột phá khẩu mở màn, thì Bộ Chỉ huy nhận tin Cụ Hồ đã đến

Sở Chỉ huy ở Tả Phầy Tử. Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp vội lên ngựa đi đón.

Chiều hôm đó, khi nghe Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp báo cáo phương án tác chiến mới của Bộ Chỉ huy chiến dịch: mở đầu bằng tiêu diệt Đông Khê, tiếp theo là diệt quân viện, đánh Thất Khê, cuối cùng là tập trung lực lượng giải phóng Cao Bằng, Cụ gật đầu, vừa giơ từng ngón tay vừa nhắc lại: "Một là đánh Đông Khê, hai là đánh quân tiếp viện, ba là đánh Thất Khê, bốn là đánh Cao Bằng, tất cả là bốn bước... Đông Khê không lớn. Ta đánh vào Đông Khê là đánh vào nơi quân địch tương đối yếu, nhưng lại là vị trí rất quan trọng của địch trên tuyến Cao Bằng - Lạng Sơn. Mất Đông Khê, Cao Bằng sẽ hoàn toàn chơ vơ. Địch buộc phải cho quân ứng cứu, bộ đội sẽ có cơ hội tiêu diệt chúng. Quân ứng cứu địch đã tan thì khó giữ nổi Cao Bằng; chúng rút khỏi Cao Bằng, ta đánh càng thuận lợi."

Chiều hôm sau, Hồ Chủ tịch đến thăm và động viên cán bộ đang dự hội nghị. Sự có mặt của Cụ là một điều bất ngờ lớn, đồng thời

cũng là một nguồn động viên vô giá đối với mọi người. Bằng cách nói giản dị, Cụ nhắc lại vì sao thay đổi kế hoạch tác chiến:

“... Trong quân sự phải kiên quyết và bạo dạn. Bạo dạn, dũng cảm không phải là liều. Liều là dại. Dũng cảm là khôn. Không phải chỉ một người kiên quyết và bạo dạn, mà phải toàn bộ, tất cả mọi người. Muốn toàn bộ kiên quyết, dũng cảm thì phải có kỉ luật. Kỉ luật là động lực giữ sức mạnh cho bộ đội.”

Ngày 18 tháng 9 năm 1950, mắt xích Đông Khê bị chặt đứt, trận mở màn thắng lợi! Địch chết và bị bắt 300 tên. Một số chạy thoát về Thất Khê. Ta thu toàn bộ vũ khí. Giải phóng xong Đông Khê, trong mệnh lệnh tác chiến số 4 đề ngày 21 tháng 9, Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp nhận định: Địch sẽ đưa quân, từ 2 đến 3 tiểu đoàn bộ binh từ Thất Khê kết hợp với khoảng 1 tiểu đoàn quân dù, chiếm lại Đông Khê. Đại tướng lệnh cho bộ đội triển khai trận địa sẵn sàng đánh quân tăng viện của địch.

Theo đúng mệnh lệnh, các đơn vị nhanh chóng triển khai đội hình đánh viện binh.

Đã gần một tuần mà vẫn không thấy bóng địch. Gạo trong kho hậu cần cạn dần. Đại tướng Trần Canh - khách mời của Hồ Chủ tịch từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Phó tư lệnh dã chiến quân (phiên chế cao nhất trong tổ chức Giải phóng quân Trung Quốc lúc đó, tương đương với phương diện quân của Liên Xô), và là Trung ương Ủy viên dự khuyết của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đang có mặt tại đường số 4. Tuy là khách, nhưng trong những năm chiến tranh ở Trung Quốc, đồng chí Trần Canh thường được cử tới những nơi nào có khó khăn, nên Bác dặn mình cố gắng tranh thủ ý kiến và kinh nghiệm.

Đại tướng Trần Canh nói với Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp:

- Võ Tổng thấy thế nào! Hay là thu quân thôi! Viện binh địch không lên. Quân địch ở Thất Khê đã tăng lên 4 tiểu đoàn. Bộ đội Việt Nam đánh công kiên quá kém. Không thể đánh Thất Khê. Cũng không thể đánh Cao Bằng. Muốn đánh Cao Bằng phải xây dựng một trận địa chiến hào như Giải phóng quân đánh Hoài Hải!

... Hồ Chủ tịch cùng với Đại tướng ngả lưng trao đổi giữa dọc đường từ Đông Khê đến Thất Khê trong khi chờ đợi đánh quân tiếp viện... Ngay lúc ấy, Vũ Năng An chớp cơ hội đưa ông kính lại gần và không hề biết rằng sau này giây phút ấy sẽ trở thành một bức ảnh tư liệu quý giá.

Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp đặt vấn đề: Kết quả chiến dịch sẽ ra sao nếu chỉ dừng lại ở chiến thắng Đông Khê? Ông chủ trương kiên trì chờ viện. Cuối cùng, Hồ Chủ tịch và đồng chí Trần Canh đồng ý trong khi chờ đợi quân viện, dùng một bộ phận nhỏ đánh những đơn vị nhỏ của địch, và chuẩn bị giải phóng Thất Khê.

... Tối 1 tháng 10, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 209 Lê Trọng Tấn báo cáo khẩn cấp tin rất đông quân địch - cả quân dù và quân Tabor (lính Bắc Phi) - đã xuất hiện trước Đông Khê. Địch từ Thất Khê lên. Chắc chúng muốn chiếm lại Đông Khê.

Khi nghe tin quân địch từ Thất Khê lên, Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định: Vô luận ý định của địch như thế nào (đánh chiếm lại

Đông Khê hay đón quân từ Cao Bằng rút về), chúng điều quân lên Đông Khê là hoàn toàn có lợi cho ta. Thời cơ tiêu diệt sinh lực địch đã đến. Có mặt ở Sở Chỉ huy lúc đó, Cụ Hồ động viên Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp: "Cơ hội rất tốt đã xuất hiện, không được bỏ lỡ."

Quả là cơ hội không thể bỏ lỡ, đường số 4 trở thành "con đường tử địa" đối với người Pháp, Cốc Xá - 477 trở thành điểm hội ngộ của hai viên trung tá Lơ-pa-giơ (Lepage) và Sác-tông (Charton) - hai tù binh của những người lính áo vải chân đất.

Chỉ trong mười ngày, từ ngày 13 đến ngày 23 tháng 10 năm 1950, địch đã rút khỏi phòng tuyến dài 100 cây số trên đường số 4 từ Đồng Đăng, Lạng Sơn, Đình Lập, An Châu tới sát Tiên Yên. Sở Chỉ huy Khu Biên thùy Đông Bắc đã chuyển về vùng bờ biển Tiên Yên. Một vùng rộng lớn ở Đông Bắc không còn quân giặc. Bên kia biên giới là cả một hậu phương vô cùng rộng lớn, chạy dài từ Á sang Âu.

Còn Đại tướng - Tổng Tư lệnh lúc đó đang trên đường về Lam Sơn. Đến Đông Khê,

ông đề nghị cả đoàn tùy tùng dừng lại, tìm một ngôi nhà nghỉ tạm qua đêm để ngày mai đi tiếp (...). Giờ đây chiến trường đã im tiếng súng, lần đầu tiên những người gần gũi Đại tướng trong Sở Chỉ huy cảm thấy vị thủ trưởng gần sang tuổi tứ tuần của mình có dáng mệt mỏi. Ông nói cảm thấy đầu óc nặng trĩu. Và một tình huống bất ngờ thú vị đã xảy ra. Đúng lúc đó, từ căn nhà sàn nào đó của cái bản hẻo lánh bỗng vang ra những tiếng đàn, và như sau này Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ức:

"Những âm thanh bất ngờ đó như một liều thuốc kì diệu nhanh chóng xua tan mọi nỗi mệt nhọc sau một chặng đường chinh chiến. Tôi ngỡ ngàng cứ như lần đầu nghe thấy những âm thanh này. Những âm thanh kì lạ. Những mệt mỏi tiêu tan. Nó giống như một lần leo sườn dốc đứng ngọt ngào từ Khuôn Chu lên đỉnh Tam Đảo bỗng được tắm mình trong hơi sương mát lạnh và luồng gió lành đầy sinh khí nơi non cao."

Tiếng đàn bỗng ngưng bật. Như luyến tiếc những âm thanh ngọt ngào thoát đến thoát đi.

Tình hình chung thời gian này không có gì khẩn trương, Đại tướng - Tổng Tư lệnh chỉ đạo văn phòng tạm ngừng liên lạc điện đài với các nơi trong một giờ, rồi cử cán bộ đi tìm người vừa đánh đàn, và mời xem có thể mang đàn sang căn nhà sàn đang nghỉ chơi một vài bài.

Lát sau, một chiến sĩ trẻ ôm cây ghi ta bước vào. Họ cùng nhau ngồi nghe âm nhạc trong suốt khoảng thời gian chừng một giờ. Người chiến sĩ trẻ ắt hẳn không biết những "thính giả" trong căn nhà đơn sơ này là những ai và càng không ngờ rằng bằng cây đàn ghi ta rất tầm thường của mình, anh đã đem lại cho người đứng đầu toàn quân những giây phút dịu êm sau những ngày cầm quân bận rộn và căng thẳng.

Đúng như Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ức: "Hình như Pi-ta-go (Pythagore), một nhà hiền triết Hi Lạp ở thế kỉ V trước Công nguyên, đã nói âm nhạc có khả năng thanh lọc tâm hồn con người."

Cán bộ nữ phải sát quần chúng!

*(Theo hồi ức của bà Lê Minh Hiền, nữ Thứ trưởng đầu tiên
của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa)*

Đó là điều bà Lê Minh Hiền luôn ghi nhớ mỗi khi tháp tùng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các chuyến công tác xuống cơ sở. Vì vậy, là một cán bộ giữ cương vị lãnh đạo trong cơ quan, bà luôn nhiệt tình, chủ động, hăng hái trong công tác, không ngại khó, ngại khổ, lắng nghe, đi sâu đi sát quần chúng để có những đề xuất kịp thời với Chính phủ.

Một kỉ niệm trong hồi ức của bà Lê Minh Hiền, đó là sau năm 1954, có khoảng năm, sáu nghìn cán bộ miền Nam tập kết ra miền Bắc được đưa lên nông trường ở Yên Bái,

Lào Cai. Do cuộc sống gian khổ, không quen khí hậu miền Bắc nên số đông bị ốm, rồi lại hết việc làm. Với ý nghĩ hai năm sẽ trở về quê hương nay gặp quá nhiều khó khăn, nhiều người suy sụp cả thể chất và tinh thần. Trong hồi kí của mình, bà Lê Minh Hiền nhớ lại:

"Trước tình hình đó, Nhà nước chủ trương lập các khu điều dưỡng cho cán bộ miền Nam. Bộ Tài chính cấp tiền, Bộ Cứu tế đảm nhận việc tổ chức trại. Lúc ấy, đồng chí Nguyễn Xiển làm Bộ trưởng Bộ Cứu tế, còn tôi làm Thứ trưởng và được giao nhiệm vụ tổ chức các trại điều dưỡng. Chúng tôi xin đất của các xã, tổ chức cơ sở ăn, ở, sinh hoạt hợp hành với chế độ 26 đồng/ tháng cho một người. Anh em tự tổ chức và quản lí mọi sinh hoạt của mình có hội đồng kiểm tra việc chi tiêu với chế độ tài chính công khai nên đời sống anh em tương đối đảm bảo. Các trại đều thành lập Ban Y tế để chăm sóc sức khỏe cho anh em. Bộ Y tế phối hợp với Bộ Cứu tế tổ chức khám bệnh, chữa bệnh định kì cho số người bị bệnh nặng còn số

anh em bị bệnh mãn tính nặng do Y tế quản lí lâu dài...

Tình hình tổ chức các trại dần dần ổn định và đã mở được tám, chín trại. Có trại ở gần như Thanh Trì, Hà Nội, có trại ở xa như Quảng Ninh. Tôi biết Bác rất quan tâm đến các cán bộ miền Nam tập kết vì Bác thường xuyên hỏi thăm tình hình và hẹn khi có điều kiện thì đi thăm hỏi. Vì vậy, khi chúng tôi mời Bác về thăm anh em ở các trại ở Thường Tín và Thanh Trì thì Bác nhận lời ngay.

Trong ba trại đó có hai trại đã có nhà xây trên đất của hợp tác xã, còn một trại gồm số đông người già phải ở nhờ đình, chùa của địa phương... Để chuẩn bị cho Bác tới thăm, bộ phận bảo vệ Bác đã về trước nắm tình hình, chuẩn bị những điều cần thiết. Vì giữ bí mật tuyệt đối, kể cả người phụ trách trại cũng không biết nên khi Bác về trại ở Thanh Trì thì đúng lúc xã viên ở đó mượn hội trường của trại và đang họp. Trại xây trên khu đất rộng, Bác chưa vào hội trường vội, Bác đi một lượt thăm mọi nơi, mọi chỗ ăn chỗ ở, Bác thấy sạch sẽ, vừa ý. Bác hỏi tôi:

- Lúc nào cũng sạch sẽ như thế này à?

- Thưa Bác, vâng ạ!

Ánh nắng dịu nhẹ của buổi sáng chuyển sang trưa cũng gay gắt dần. Tôi sợ nắng không đảm bảo sức khỏe của Bác, vả lại vào hội trường, có nơi ngồi trật tự, Bác nói chuyện với anh em tiện hơn nên mời Bác vào hội trường. Bác bảo: "Người ta đang họp mình vào làm gì? Thôi để cho người ta họp." Bác chỉ một góc sân: "Thôi, ta đứng ở đây." Anh em đi theo Bác, thấy Bác ngồi xuống đất thì tất cả đều ngồi xung quanh. Bác bắt đầu nói chuyện. Bà con ngồi trong hội trường phát hiện ra Bác liền kéo ra ngồi xúm xít với anh em ở trại và hoan hô "Hồ Chí Minh muôn năm!" Anh em bảo vệ ở vào thế lúng túng. Tôi bảo anh em kiếm một cái nón che cho Bác đỡ nắng. Bác nói chuyện xong rồi chào đồng bào để sang thăm trại bên cạnh, không đi vào hội trường nữa.

Sang trại thứ hai, Bác cũng đi thăm suốt một lượt nơi ăn chốn ở của anh em. Thấy sạch sẽ Bác rất vui lòng. Khi biết Bác đến, anh em xúm quanh đông nghịt. Nắng lên,

đông người, ngọt ngào quá. Tôi rất lo cho Bác nhưng Bác vẫn đứng yên. Trại trưởng bảo anh em ngồi xuống để Bác nói chuyện. Tất cả mọi người nhìn Bác không chớp mắt, người ta chỉ cốt nhìn Bác. Có người nói: "Trông ngực mình cứ đánh thành thành."

Có mấy bệnh nhân mù, Bác đến tận giường thăm ân cần làm mọi người rất cảm động. Thấy Bác mệt, tôi chỉ muốn Bác đi thăm nhanh nhưng ở mỗi trại Bác đều ở gần hai tiếng. Khi còn một trại gồm các bác già ở nhờ chùa làng cách đó 500 mét, không đi bằng ô tô được, anh em bảo vệ trại sợ Bác mệt nên không muốn Bác sang nữa. Có đồng chí thưa: "Thưa Bác, phải đi bộ." Bác bảo: "Thì đi chứ sao, người ta đi được thì mình đi được." Biết Bác sẽ sang trại ở chùa, số người đã sang chạy tất nhanh về trại mình để đón Bác.

Bác đi trên bờ ruộng, có một bà gánh quang gánh đi trước. Bác hỏi: "Bà bán cái gì đây, bán có được không, có đủ ăn không?" Bà kia vừa đi vừa trả lời các câu hỏi của Bác, nhưng không quay lại. Đến đầu làng, nhìn lại, thấy Bác, bà ta vác cả quang gánh la lên:

"Ồi giời ơi! Bác Hồ." Bà con ở làng gần trại cũng chạy ra, cùng với các bác già của trại quây quần nghe Bác nói chuyện. Sau khi thăm các trại điều dưỡng, Bác còn đến thăm Trường Nữ sinh Trưng Vương. Các cháu như đàn ong, quây quanh lôi kéo Bác, Bác thăm mệt toát cả mồ hôi. Tôi liền ngăn: "Ô, các cháu đi xuống đi, làm thế Bác mệt," nhưng Bác bảo: "Kệ các cháu."

Trên đường về tôi được ngồi chung ô tô với Bác, đồng chí Vũ Kỳ và một đồng chí bảo vệ của Bác. Nhớ lại lúc vào thăm trại đầu tiên, Bác bảo tôi: "Cô cậy có cái hội trường to à! Người ta đang họp, cô bảo tôi vào để bà con phải đi ra à!" Tôi không đồng ý với Bác nên thưa lại: "Bác đi ra ngoài trời nắng, liệu sức khỏe Bác có chịu nổi không? Trời đang nắng, nó rọi vào người, chúng cháu phải giữ sức khỏe cho Bác chứ." Bác vẫn bảo: "Nắng một tí có can gì đâu mà lo." Tôi vẫn không chịu: "Nhưng khi bà con biết có Bác đến, bà con cũng bỏ hội trường ra hết bên ngoài để đón Bác cơ mà..."

Có nhiều dịp được tiếp xúc làm việc gần Bác, tôi thấy Bác rất quan tâm đối với cán bộ

miền Nam cũng như đối với phụ nữ. Bác lắng nghe và ân cần chăm sóc thăm hỏi đồng viên họ; khuyên bảo cán bộ phụ nữ phải đi sát quần chúng, phải biết nấu cơm, phải biết tắm rửa cho trẻ con. Đối với dân, Bác rất tôn trọng, quan tâm đến đời sống, sinh hoạt của mọi người. Bác sống rất giản dị, thanh đạm. Công ơn Bác như trời bể, đạo đức Bác thật sáng ngời, Bác là một lãnh tụ đặc biệt...

*

Quốc hội trong phiên họp sáng ngày 20 tháng 9 năm 1955, nhất trí thông qua đề nghị của Hồ Chủ tịch về việc mở rộng và bổ sung Chính phủ, trước nhu cầu công tác hiện tại. Cụ thể: "Đặt thêm Bộ Cứu tế do ông Nguyễn Xiển làm Bộ trưởng, chức Thứ trưởng dành cho một phụ nữ."

Người được lựa chọn sau đó là bà Lê Minh Hiền (1917 - 2006). Đây là người phụ nữ đầu tiên giữ chức vụ Thứ trưởng đồng thời là thành viên nữ đầu tiên trong Chính phủ.

Trước đó mười năm, theo Tuyên cáo ngày 28 tháng 8 năm 1945 của Chính phủ Cách

mạng lâm thời, Bộ Cứu tế xã hội được thành lập. Cụ Nguyễn Văn Tố, một trí thức uyên bác Tây học và Nho học, làm việc tại Viện Viễn đông Bác cổ, đồng thời là Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, được cử làm Bộ trưởng đầu tiên. Nhiệm vụ thời kì này của Bộ Cứu tế xã hội là phát động toàn dân tiết kiệm, nhường cơm sẻ áo cho đồng bào nghèo, thực hiện cứu trợ xã hội... Tổ chức bộ máy đơn giản, số lượng cán bộ tuy ít nhưng làm việc hiệu quả. Khi Chính phủ liên hiệp ra đời (ngày 2 tháng 3 năm 1946), trong tình hình mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thành viên Chính phủ quyết định giải thể Bộ Cứu tế xã hội, nhập vào Bộ Lao động.

Mười năm sau đó, miền Bắc được giải phóng, công việc cứu trợ xã hội cho các đối tượng bị thiệt thòi do thiên tai, bão lụt, mất mùa, tàn tật do chiến tranh... đòi hỏi phải tái lập Bộ. Đến tháng 4 năm 1959, Chính phủ ra quyết định giải thể Bộ Cứu tế xã hội và giao cho Bộ Lao động phụ trách công tác bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội, công tác an dưỡng. Bộ trưởng Nguyễn Văn Tạo và

Thứ trưởng Lê Minh Hiền cùng điều hành công tác Bộ.

*

Trong ngôi biệt thự cũ ở Hà Nội, Thầy thuốc ưu tú Nguyễn Lê Thanh, con gái của bà Lê Minh Hiền, lần giở trong kí ức những kỉ niệm về mẹ...

Bà Lê Minh Hiền nghỉ hưu từ năm 1976 do điều kiện sức khỏe. Bà lại khiêm tốn, ít kể về mình, đôi khi con gái hỏi bà mới kể về quãng đời hoạt động cách mạng sôi nổi từ thuở đôi mươi. Bác sĩ Nguyễn Lê Thanh chia sẻ, khi Bộ Cứu tế xã hội được tái lập, Ban Tổ chức Trung ương và Chính phủ cân nhắc giữa hai thành viên. "Mẹ tôi kể, một người khác, thành tích hoạt động cách mạng và tên tuổi cũng nổi tiếng hơn mẹ, nhưng rồi, Chính phủ quyết định chọn mẹ tôi." Người nổi danh "nữ tướng" huyền thoại có tài cưỡi ngựa, bắn súng hai tay, được tổ chức phân công nhiệm vụ khác. Bà Lê Minh Hiền trở thành thành viên Chính phủ như một sự sắp đặt của lịch sử là như vậy.

Nếu không có sáng tạo thì không có tiến bộ

(Theo lời kể của cụ Vũ An Biên⁽¹⁾ người sáng chế ra máy phát điện phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, tháng 2 năm 1951)

Sáu mươi năm đã trôi qua, từ Tết Tân Mão (1951) trên núi rừng Chiêm Hóa (Tuyên Quang) ngày ấy đến giáp Tết Tân Mão (2011)⁽²⁾, thời gian đã đưa chàng trai ở tuổi tam thập nhi lập trở thành cụ già chín mươi tuổi có dư. Gánh nặng của tuổi tác như đè trên vai nhưng kí ức của những năm tháng ấy cụ Vũ An Biên vẫn còn giữ vẹn nguyên như thuở nào. Trong năm trước đó, cụ luôn bận rộn. Bảo tàng Hồ Chí Minh cử cán bộ xuống

(1) Cụ Vũ An Biên (1921 - 2010), tên thật là Vũ Hán Thăng, nguyên chuyên viên Ủy ban Phát thanh Truyền hình Quốc gia (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).

(2) Thời điểm tác giả viết bài này. (BT)

ghi chép tư liệu rồi mời cụ tham gia trong chương trình giao lưu “Tháng Năm nhớ Bác” tổ chức ngày 27 tháng 4 năm 2010; Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội mời cụ lên Chiêm Hóa rồi về Tân Trào (Tuyên Quang) để làm phim “Người suốt đời làm theo lời Bác”; Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện phóng sự phỏng vấn cụ trong chương trình “Gõ cửa ngày mới”. Cụ cho tôi biết rằng, cụ không bao giờ nghĩ rằng những sáng chế đó của mình là quan trọng. Đó là nhiệm vụ mà người cán bộ kĩ thuật phải luôn sáng tạo để hoàn thành.

*

Đang công tác tại xưởng giấy Hồng Phong thuộc Ban Tài chính Trung ương Đảng do đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Trưởng ban, thì có lệnh của cấp trên triệu tập đồng chí Vũ An Biên về ngay lập tức. Nghe thế Vũ An Biên bỗng thấy... sợ. Vì nhiệm vụ cấp trên giao đến xưởng Hồng Phong là để làm giấy, mà lại đi làm một nhà máy thủy điện cỡ nhỏ để ngày thì có điện sấy giấy, đêm có

điện chiếu sáng cho anh em. Trong bụng Vũ An Biên thầm nghĩ, có khi lại bị kỉ luật gì đây. Anh Cả (Nguyễn Lương Bằng) vốn là người nghiêm khắc!

Cấp tốc đi ngày đi đêm, xuyên qua rừng từ Bắc Kạn về Tuyên Quang, quên cả nghỉ chân, mệt nằm một lát rồi lại đi. Vừa mới về đến Ban Tài chính Trung ương, chưa kịp nghỉ đã có ngay đồng chí liên lạc đưa đi tiếp. Đến đêm về tới nơi thì gặp đồng chí lãnh đạo cao cấp. Đồng chí ấy bảo:

- Thôi đồng chí hãy nghỉ đi, sáng mai thì ta sẽ bàn việc.

Sáng hôm sau Vũ An Biên mới được giới thiệu đó là đồng chí Trường Chinh. Thì ra, từ sáu tháng trước đồng chí Trường Chinh đã giao cho ông Giám - Giám đốc Trại thiết kế (đơn vị tiền thân của nhà máy Trần Hưng Đạo) nghiên cứu chạy máy phát điện. Nhưng nửa năm đã qua, mà vẫn không thể nào có được nguồn điện. Đồng chí Trường Chinh ôn tồn:

- Trong 15 ngày nữa thì Đại hội khai mạc, đồng chí phải làm mọi cách để có điện

phục vụ Đại hội. Cần những giấy tờ gì để lấy vật liệu gì, ở đâu thì đồng chí cứ bảo, tôi sẽ làm hết cho đồng chí.

Vũ An Biên suy nghĩ. Đã sáu tháng mà các đồng chí chưa tìm ra cách để chạy máy phát điện, bây giờ cho mình có 15 ngày thì gấp gáp quá. Vũ An Biên liền đề nghị với đồng chí Trường Chinh:

- Anh cho tôi xin 1 tháng. Tôi cũng không biết tình hình nó như thế nào nhưng mà cứ cho tôi xin 1 tháng, tôi sẽ làm được.

Thế là đồng chí Trường Chinh phải thông báo cho tất cả các đại biểu đến dự Đại hội chờ thêm 15 ngày nữa mới khai mạc.

Hằng ngày, có người gánh đủ thứ đồ đạc đến chỗ Vũ An Biên: một máy phát điện, một mô tơ và một máy Berna 12 mã lực chạy xăng... khi kiểm tra đều dùng được.

Với máy Berna 12 mã lực chạy xăng, Vũ An Biên nghiên cứu thấy cần phải chuyển đổi thành động cơ chạy Gazozen. Vũ An Biên đưa bộ Gicleur của máy Berna về cho khoan một cái lỗ để cho hơi Gazozen lên.

Khoan xong, lại lắp đầy đủ động cơ rồi cho chạy thử. Thêm vào đó là một đầu máy 250 Buzi, nếu cứ cho chạy hết tốc độ thì sợ cháy. Anh nghiên cứu làm bộ *Rheostat* (biến trở khởi động) khác. *Rheostat* không có, anh ra Trại thiết kế lấy một cuộn dây may so, cuộn dần, cuộn dần cho đến hết để làm biến trở khởi động. Rồi anh lấy đầu dây vào máy sau đó cứ từ từ đưa tốc độ quay vào. Khi để số 0 (không có từ trường) máy chạy rất mạnh. Có đà rồi, điện cứ từ từ được cho vào.

Vậy là máy phát điện phục vụ Đại hội Đảng II - Đảng Cộng sản ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam tại núi rừng xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang đã được ra đời như thế. Suốt ba kì phục vụ Đại hội: Đại hội Đảng II (2-1951), Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt (3-3-1951), Đại hội Phụ nữ... chỉ hai lần người sáng chế phải dừng máy lại 5 phút để chỉnh dây cô roa, còn không có vấn đề gì hỏng hóc xảy ra.

*

Mới đây mà đã qua sáu mươi năm tròn, ngẫm ngợi lại những ngày đã qua ấy, cụ Vũ An Biên cứ rủ rỉ kể trong mạch kí ức:

- Để bảo vệ các đại biểu, các đồng chí làm công tác bảo vệ đảm bảo an ninh chia Đại hội làm ba khu vực: Khu vực phục vụ, khu vực đại biểu ở và khu vực họp Đại hội. Tôi cũng lại chia điện thành ba khu vực như thế.

Thỉnh thoảng tôi phải đi kiểm tra điện các nơi, kể cả chỗ ở của các đồng chí lãnh đạo Trung ương. Đi từ khu vực nọ sang khu vực kia đều có bộ đội bảo vệ cả. Tôi sợ điện không đủ nên khi họp Đại hội tôi tắt hết điện các nơi, chỉ để lại một bóng đèn chỗ mấy ông phục vụ và ở chỗ tôi mà thôi.

Một lần, anh Lê Văn Lương đề nghị tôi làm bóng đèn điện sang giường Bác nằm. Tôi mới nhận thấy Bác đúng là con người cách mạng, bao giờ cũng cảnh giác, cảnh giác cao độ. Các đồng chí sắp xếp cho Bác nằm là giường đôi, rộng, chăn gối màn tử tế đầy đủ. Bác không nằm. Bác để buông màn xuống đáy thôi. Còn Bác nằm xuống giường của anh bảo vệ. Tôi đến làm thì thấy trên

bàn làm việc của Bác có một quyển sổ mở, một cái kính và một con dao nhỏ. Tôi cần con dao để làm dây điện. Khi tôi với tay sắp sửa lấy con dao thì anh bảo vệ ở bên ngoài vào ngăn lại. Anh cho tôi biết là không được dùng dao. Vì Bác để cái kính ở dòng nào và mũi con dao ở chữ nào rồi. Như thế nếu ai đụng vào thì Bác biết ngay. Cho nên không ai được đụng vào đây hết cả. Thế là tôi phải đi tìm con dao khác. Làm cho Bác cái đèn xong, khi trở về Bác nói với tôi:

- À, chú làm nhanh nhả, công nhân có khác, làm nhanh thật.

Có lần, một anh họa sĩ đang vẽ Bác. Đại hội buổi chiều tối, các đại biểu đã lên hội trường hết cả rồi. Đèn của Bác tôi không dám tắt. Không biết quy tắc đầu đuôi gì hết, tôi cứ thế đi thẳng vào:

- Thưa Bác, mời Bác lên dự Đại hội. Bây giờ hết giờ rồi để cháu tắt đèn dưới này, bật đèn phục vụ Đại hội.

Bác nhẹ bước ra nói với tôi:

- Bác xin lỗi chú nhé. Chú cho Bác xin thêm 10 phút để anh ấy vẽ xong thì Bác sẽ lên.

Tôi đứng đợi. Đúng 10 phút Bác ra:

- Bác xong rồi, Bác cảm ơn chú nhé.

Đây, có những mẫu chuyện nhỏ nghe rất bình thường thôi nhưng Bác rất nguyên tắc, rất kỉ luật và rất tôn trọng kỉ luật.

Một hôm khác, Bác Hồ cho tôi đi theo Bác xem triển lãm trong Đại hội II. Đầu tiên Bác chỉ bức tranh họa sĩ Diệp Minh Châu vẽ bằng máu hình ảnh Bác với ba cháu nhỏ Bắc - Trung - Nam xung quanh. Nhìn sang bên cạnh, tôi lại thấy có một tranh nữa cũng bắt chước họa sĩ Diệp Minh Châu cầm tay lấy máu vẽ. Bác ngừng lại bảo:

- Chú thấy không, chú Diệp Minh Châu vẽ tranh này rồi nhưng bây giờ lại có thêm người nữa vẽ thì không phải chỉ có một Diệp Minh Châu mà sẽ có hàng nghìn Diệp Minh Châu. Vậy thì các bức tranh sau này có cầm tay lấy máu vẽ ra nữa cũng không có giá trị.

Ngừng một lát, Bác nói tiếp với tôi:

- Chú ạ, làm văn học, làm nghệ thuật, kể cả làm khoa học kĩ thuật và kinh tế cũng phải có sáng tạo. Nếu không có sáng tạo thì không có tiến bộ.

*

Người viết bài này nhìn lên tường, nơi khung ảnh treo trang trọng Huy hiệu sáu mươi năm tuổi Đảng của cụ Vũ An Biên. Hơn sáu mươi năm đứng trong hàng ngũ của Đảng, cụ luôn nhớ lời dạy của Bác Hồ: Làm gì cũng phải có sáng tạo. Nếu không có sáng tạo thì không có tiến bộ.

Khi biết được người sáng chế phát minh về máy phát điện ở Đại hội II như vậy, giữa lúc rất hiếm cán bộ kỹ thuật có khả năng, kỹ sư Lê Viết Hương đặt vấn đề với đồng chí Nguyễn Lương Bằng giao cụ Vũ An Biên về Trại kiến thiết. Chân ướt chân ráo vừa về nhận công tác, ông Giám đốc Lê Viết Hương đã thân mật trò chuyện:

- Tôi đã nói với anh em, anh Vũ An Biên được đồng chí Nguyễn Lương Bằng đánh giá cao về mặt kỹ thuật, cho nên anh phải làm cho bằng được các công việc ở đây, đừng để anh em cho là tôi giới thiệu sai.

Trại kiến thiết có mười tám đề án trong đó đề án khó nhất không ai làm là luyện chì từ galen ra. Kỹ sư Lê Viết Hương giao cho cụ

Vũ An Biên. Được lời động viên từ trước nên cụ không thể từ chối.

Cụ đã dành sáu tháng trời nghiên cứu đề tài. Cụ đã lên xí nghiệp Bắc Sơn là cơ sở đã luyện chì. Ở đây họ luyện chì theo lối cho chì từ trên xuống, nấu lên rồi lấy ra. Chì chảy ra chỉ được 30% - 40% thôi, còn lại là bã.

Giữa lúc đó, ở xí nghiệp Bắc Sơn lại báo về hai vấn đề: củi thì ít, phải tiết kiệm củi; thứ hai nữa là những sắt bù loong lấy ở trên đường ray để làm chất lỏng cho chì giờ cũng hết rồi, phải tìm chất thay thế.

Vấn đề cốt yếu là lò luyện. Cụ Vũ An Biên thiết kế lò "phản ứng". Cụ thay sắt bằng đá vôi. Vì đá vôi cũng có phản ứng làm chảy chì. Cụ để đá vôi trên lò nóng cho tới khi bị nhiệt độ tác động thành vôi thì gạt xuống lò. Thứ hai là cụ nghĩ rằng, nấu chì cũng như nấu cơm, lúc phải ghế, lúc phải đảo; nên cụ làm một cửa lò thứ hai ở trên ống dẫn lên ống khói để điều chỉnh ngọn lửa lên xuống được.

Kết quả là cụ Vũ An Biên đã thành công với đề án luyện chì này. Trở về, cụ báo cáo với ông Giám đốc Lê Viết Hương, hôm đó có cả

Cục trưởng Cục Quân giới, Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa. Nghe báo cáo xong, Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa liền reo lên bằng tiếng Pháp, đại ý là: "Thật là tuyệt, anh đã dùng hệ hai cửa lò!"

Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa đã đề nghị lên Hội đồng Chính phủ và cụ Vũ An Biên được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.

Điều thứ hai, cụ tâm sự với người viết bài này, cụ là một người cán bộ kĩ thuật, không có suy nghĩ gì phức tạp. Với bất cứ công việc gì, cụ cũng làm hết sức mình, không ngại gian khổ. Nếu cứ suy nghĩ, so đo, đặt vấn đề quyền lợi được mất lên trên, thì chẳng có thì giờ để làm khoa học.

Luôn luôn nhớ ơn Bác Hồ

*(Ghi theo lời kể của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
Nguyễn Thị Chiên⁽¹⁾)*

Hồ sơ lưu tại Viện Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam có viết: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Thị Chiên, trong kháng chiến chống Pháp, từ năm 1946 đến năm 1952, tham gia xây dựng cơ sở kháng chiến ở 5 thôn, xây dựng và chỉ huy đội du kích xã Tân Thuật (huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) đánh địch chống càn, phá giao thông đường 39, phá tề, diệt và bắt nhiều địch.

Bà đã diệt, làm bị thương và bắt 15 tên địch. Tháng 4 năm 1950, khi đưa cán bộ về

(1) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Thị Chiên (1930 - 2016), cán bộ hưu trí Quân khu Thủ đô.

hoạt động tại xã, bà bị địch bắt, dụ dỗ, tra tấn suốt 3 tháng rưỡi vẫn kiên trung bất khuất. Tháng 10 năm 1951, trong trận phục kích đánh địch trên đường 39, bà bắn bị thương 1 tên địch, bắt sống 6 tên, thu 4 súng. Tháng 12 năm 1951, khi địch lùng sục vào làng, bà chỉ huy du kích bất ngờ xông ra bắt sống 4 tên địch.

Bà được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Nhất, 2 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất. Năm 1952, bà được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng khẩu súng ngắn của Người.

Vượt cây cầu Long Biên đã quá tuổi trăm, người viết bài sang phường Ngọc Thụy, quận Long Biên (Hà Nội). Đúng giờ hẹn, người nữ Anh hùng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam - bà Nguyễn Thị Chiên - đón khách vào nhà.

Theo hồ sơ thì bà sinh năm 1930, tại xóm Trại Đồng, xã Tân Tiến (nay là thị trấn Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình), nhưng bà cho biết, năm sinh này không rõ đúng hay sai vì lí lịch của bà do anh em công tác

khai hộ. Ngay cả cái tên Nguyễn Thị Chiên cũng là do anh em du kích đặt cho bà sau này, chứ cha mẹ bà chỉ gọi là Tý con. Nhà bà có năm anh chị em, bà là út. Gia cảnh khốn khó, sinh bà hôm trước, hôm sau người mẹ đã phải ủ con trong gio cho nóng để đi làm thuê, làm mướn lần hồi kiếm miếng ăn. Mới lớn, Nguyễn Thị Chiên đã phải đi ở đợ, bẻ con cho nhà người khác.

Sinh ra và lớn lên trên quê hương cách mạng, từ năm mười sáu tuổi, Nguyễn Thị Chiên tự nguyện đến với cách mạng, bà được các anh chị du kích giao nhiệm vụ rải truyền đơn, kết hợp với bảo vệ vòng ngoài cho các cơ sở bí mật của cách mạng, đồng thời phát hiện nơi ém quân của địch.

Bà không thể quên được những lần chặt chuối làm phao kẹp vào vách bờ vượt sông Thái Bình đi quấy nhiễu đồn bốt của thực dân Pháp. Lúc đi đạn bắn dữ dội, lúc về xe lội nước địch ào ào đuổi đằng sau. Nhưng những chuyến đi, về đều an toàn và những đợt tập kích địch đã làm vững vàng thêm bản lĩnh và nối dài công trạng của nữ du kích Nguyễn Thị Chiên.

Đặc biệt nhất là lần phối hợp với Đại đội 44 Tiểu đoàn 680, Đại đoàn 320 tiêu diệt lính Âu Phi trên đường 39. Chính ở trận này, tay không mà bà đã bắt được tên quan hai Pháp. Danh hiệu "tay không bắt giặc" cũng theo bà Nguyễn Thị Chiên từ đó.

Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức tại Việt Bắc (ngày 1 tháng 5 năm 1952), bà Nguyễn Thị Chiên là nữ du kích duy nhất được chọn đi báo cáo điển hình. Với những đóng góp của mình, Nguyễn Thị Chiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng ở tuổi hai mươi hai.

Sau Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng Nguyễn Thị Chiên được cử tham gia đoàn đại biểu đi dự Đại hội Hòa bình châu Á - Thái Bình Dương tại Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại hội Hòa bình Thế giới tại Viên (Áo) cùng với các nhà trí thức Việt Nam như luật sư Nguyễn Mạnh Tường, cư sĩ Lê Đình Thám, nhà giáo Đặng Chấn Liêu, nhạc sĩ Đỗ Xuân Oanh, Nguyễn Xuân Trâm, anh hùng Ngô Gia Khảm... do đồng chí Xuân Thủy làm trưởng đoàn.

Về nước sau ngày giải phóng Thủ đô, với kinh nghiệm tổ chức và triển khai lực lượng du kích địa phương, bà đã được giao nhiệm vụ phụ trách và quản lí dân quân 4 huyện ngoại thành Hà Nội. Trong công tác mới, bà đã gặp ông Vũ Anh Tài, cán bộ Sư đoàn 320. Bà và ông đã nên duyên, rồi sinh được một người con gái và đây cũng là người con duy nhất của họ. Đất nước bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông đi biên biệt, bà ở lại vừa công tác vừa nuôi con. Sau nhiều năm công tác tại Tổng cục Chính trị, Quân khu Thủ đô, bà Nguyễn Thị Chiên về hưu với quân hàm Trung tá (1984) và thương tật hạng 4/4!

Có lẽ người nữ Anh hùng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam Nguyễn Thị Chiên là người dành được khá nhiều tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với bút danh C.B trên Báo *Nhân dân*, Người đã viết một bài riêng với nhan đề:
NGUYỄN THỊ CHIÊN

"Nữ trung đội trưởng du kích Nguyễn Thị Chiên là một cô nông, 22 tuổi, vào đội du kích từ 1946.

Vùng chị Chiên thường bị giặc càn quét. Cơ sở tan rã. Nhân dân hoang mang. Chị cứ bám sát lấy dân, lập lại cơ sở chính quyền và đoàn thể, tổ chức một trung đội nữ du kích chống càn quét, bảo vệ làng.

Bị bắt, bị tra tấn suốt 3 tháng, bị đưa ra bắn dọa 3 lần, chị vẫn bình tĩnh, không khai nửa lời. Vừa thoát được về, tuy mình đầy vết thương, chân đau không đi được, chị cũng hoạt động lại ngay. Trong đợt thi đua từ 19/5 đến 19/12/1951, chị đã thắng 10 trận, tự tay tước được 15 súng và bắt sống 20 tên giặc (trong đó có 1 tên quan hai Pháp). Trong các trận, chị không hề bỏ sót một người thương binh nào. Trong vụ thuế nông nghiệp, chị đã thức 30 đêm liền, tuyên truyền giải thích từng nhà, từng người. Nhiều người lạc hậu, thấy chị thành khẩn, đều cảm động và trở nên hăng hái. Khi bắt được tên đồn trưởng (nó đã giết người anh của chị), chị giải thích chính sách khoan hồng của Chính phủ, rồi thả nó. Vì vậy, nó đã gọi nhiều ngụy binh khác ra hàng.

Chị Chiên, vì yêu nước, căm giặc, trung thành với đoàn thể, kiên quyết bám sát dân,

luôn luôn thương yêu đồng đội, nắm vững và ra sức thi hành chính sách nên đã lập được công to, rất xứng đáng là Anh hùng Quân đội."⁽¹⁾

Trong **Bài nói tại buổi lễ bế mạc lớp chính huấn cán bộ trí thức**, Hồ Chủ tịch nhắc nhở:

"Chín năm trước đây, nhân dân ta gồm cả trí thức ta, bị Tây khinh rẻ và gọi là "giống bản thù". Ngày nay, ta có những anh hùng như Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị và đang nảy nở hàng trăm chiến sĩ và anh hùng trong phong trào thi đua yêu nước."⁽²⁾

Khi viết bài **Người cán bộ cách mạng** vẫn với bút danh C.B, Hồ Chủ tịch lại nhắc đến: "Nữ anh hùng du kích Nguyễn Thị Chiên, mấy lần bị giặc bắt và tra tấn sống đi chết lại, nhưng không hề lộ bí mật; mỗi lần thoát khỏi tay địch, hoạt động càng thêm hăng."⁽³⁾

Với lòng quả cảm, gan dạ và có những phương pháp đánh địch đầy sáng tạo,

(1) Trích *Hồ Chí Minh toàn tập*, t6, NXB Chính trị quốc gia 2000, tr 505.

(2) Theo *Hồ Chí Minh toàn tập*, t7, NXB Chính trị quốc gia 2000, tr 145-149.

(3) Theo *Hồ Chí Minh toàn tập*, t7, NXB Chính trị quốc gia 2000, tr 480-482.

Nguyễn Thị Chiên trở thành một du kích cừ khôi, tiếng tăm vang dội khắp vùng. Sau một thời gian điên cuồng lùng sục, địch bắt được bà tại làng Rặng Thông (xã Cầu Trục, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình). Suốt ba tháng rưỡi bị giam cầm trong lao tù, bị đánh đập, tra tấn bằng đủ mọi cách, địch không moi được gì ở bà. Chúng buộc tay chân bà vào một cây tre rồi đem vớt xuống sông. Chờ bà sắp chết, chúng lại vớt lên nhưng vẫn không moi được thông tin gì. Địch lại giả vờ đem bà đi bán. Băng đen bịt mắt, tay chân buộc như tử tù, giặc nổ súng. Bà vẫn giữ vững tinh thần cách mạng. Cuối cùng, không có chứng cứ, chúng đành phải thả bà.

Bà tâm sự với người viết bài này rằng, vượt qua tất cả những thủ đoạn tra tấn tàn ác của giặc là nhờ trong tim bà luôn có Bác Hồ.

- Từ trong hậu địch tôi đã tâm niệm Bác Hồ là Thánh sống trên đầu tôi. Chính vì vậy, khi bị địch bắt tù đày, nghĩ đến Bác Hồ, tôi một lòng một dạ không khai. Tôi đã tự đề ra câu hỏi trong đầu như thế này: Nếu như địch bắn vào chỗ nguy hiểm và nhất định mình

nắm chắc trong tay cái chết, thì lúc bấy giờ tôi hô: Hồ Chủ tịch muôn năm! Đảng Cộng sản muôn năm!

Nhưng chúng bắn chỉ thiên sau khi hát tôi xuống sông. Chúng làm vậy là để nhiều lần khai thác. Mưu mô của giặc thất bại chính vì nhờ trong tim tôi vẫn luôn có Bác. Tôi cương quyết không khai và hi vọng sau này nếu kháng chiến thành công, nhất định tôi sẽ được gặp Bác Hồ. Cuối cùng tôi đã chiến thắng.

Được gặp Bác Hồ tại Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần đầu tiên là thỏa lòng mơ ước của người nữ du kích ở quê hương "Tiếng trống Tiền Hải".

- Anh bảo tôi ngốc quá không cơ. - Bà Chiên bồi hồi tâm sự với khách. - Đi thì đình ninh mong mỗi làm sao được gặp Bác Hồ. Tôi để bụng phải nhớ hết tất cả những lời Bác căn dặn để khi trở về sẽ báo cáo với anh em trong đơn vị. Những lời căn dặn của Bác sẽ làm động lực lớn để khích lệ các đồng chí quyết tâm vượt qua khó khăn gian khổ chiến đấu giành thắng lợi.

Nhưng đến khi gặp Bác Hồ, chỉ kịp thốt lên: "Bác! Bác!"... thế rồi tôi khóc. Không hiểu giặc tra tấn dã man như thế tôi không khóc, vậy mà đặc biệt sao khi thấy Bác thì tôi lại khóc. Khóc nhòe hết cả hai mắt. Mà đã khóc là trôi hết mọi suy nghĩ. Sau tôi trấn tĩnh lại, không khóc. Từ đó bắt đầu những lời Bác dặn tôi mới nhớ kĩ được...

Trong gian phòng khách nhỏ, ông bà treo ảnh Bác Hồ, ảnh Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ở những vị trí trang trọng nhất. Hai ông bà cũng thường xuyên đến thăm gia đình Đại tướng, với hai ông bà, Đại tướng là một người đồng chí, người Anh Cả.

Bà vui vẻ kể lại buổi Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng đón tiếp những Anh hùng được gặp Bác Hồ (tháng 1 năm 2009), bà lại đeo Huy hiệu Bác Hồ và nói:

- Suốt đời tôi luôn nhớ ơn Bác!

Bác Hồ với ngư dân Sầm Sơn

*(Theo lời kể của nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn⁽¹⁾, người nhiều năm
được giao chụp ảnh những hoạt động của Bác Hồ)*

*

Tháng 7 năm 1960, khi Trung ương Đảng đang họp trù bị cho Đại hội III của Đảng Lao động Việt Nam (khai mạc vào tháng 9 tháng 1960), thì Chủ tịch Hồ Chí Minh ra thăm ngư dân trên bãi biển Sầm Sơn. Trước khi đi Bác dặn không được báo cho Tỉnh ủy Thanh Hóa biết. Vì nếu biết Bác vào thăm, Tỉnh ủy sẽ làm cơm tiếp đón, như thế rất tốn tiền của đóng góp của nhân dân.

Nắng không gợn một chút mây. Chiếc Pô-bê-đa màu sữa chở Bác đến Sầm Sơn.

(1) Nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn (1931 - 2010), nguyên giảng viên nhiếp ảnh Trường Điện ảnh và Kịch nói Việt Nam.

Chỉ hòn Trống Mái, Bác nói: "Kia có bóng mát". Hiểu ý Bác, đồng chí bảo vệ đến trái tầm bạt dưới bóng hòn Trống Mái. Bác cười, chỉ tầm bạt: "Chú nào có gì ăn bỏ cả ra đây!" Anh Vũ Kỳ bỏ ra hai nắm cơm cùng mấy con tôm rang với thịt ba chỉ, còn chúng tôi có "tiết mục" cơm nếp lạc chấm muối vừng.

Cuối giờ chiều, Bác yêu cầu bảo vệ sắp xếp không nghỉ ở nhà khách cho đỡ tốn kém mà ở lại ngôi đền thờ thần Độc Cước ở trên lưng chừng núi bên cạnh Sầm Sơn. Chiều tối hôm ấy Bác Hồ cùng chúng tôi lên thẳng ngôi đền. Người thủ từ trông coi đền đã nhường tiền sảnh ngôi đền cho đoàn khách đặc biệt. Thế là, tự tay Bác cầm chổi quét một gian rồi trái chiếu mắc màn. Tất cả rằm rắp làm theo Người, chỗ của ai người đó tự lo. Xong xuôi, mọi người nằm quây quần quanh Bác...

Sớm hôm sau, dậy tập thể dục và ăn sáng xong, Bác cải trang như một lão ngư, quần cộc, áo cộc, đi dép cao su, đội mũ cát sờn mắt chòm, quần cổ bằng chiếc khăn mặt bông để giấu bớt bộ râu. Bác dẫn chúng tôi vào thăm một xóm ngư dân. Lúc bấy giờ, nông dân và

ngư dân đều vào hợp tác xã, nên giờ này người lớn đã ra bãi cá đón thuyền đi đánh cá về, còn trẻ em đã tới trường. Xóm chài vắng vẻ. Đến hai nhà đầu đều thấy không có người. Ở biển, bà con đi làm rất sớm. Đến nhà thứ ba thấy một ông cụ già đang khề khà ngồi trên chõng bên be rượu với đĩa chân giò luộc, trên chõng tre có một cháu nhỏ đang ngủ.

- Chào cụ ạ! - Bác Hồ chào.

- Không dám! Chào cụ ạ! - Cụ già chào lại Bác Hồ. - Mời cụ nhấp với tôi một nhấp.

- Cảm ơn cụ! - Bác cảm ơn rồi lịch sự từ chối. - Chúng tôi đã ăn sáng rồi. Đoạn Bác hỏi ông cụ về đời sống của ngư dân: - Thưa cụ, đời sống xã viên ở đây ra sao ạ?

Ông cụ không cần đắn đo suy nghĩ, trả lời ngay:

- Cảm ơn cụ. Nhờ ơn Đảng, ơn Bác Hồ, đời sống xã viên chúng tôi sung sướng lắm ạ!

- Chào cụ, chúng tôi xuống bãi.

Khi đã đi khuất hàng rào râm bụt nhà ông cụ, Bác dừng lại bảo với chúng tôi: "Các chú đã thấy chưa? Khi dân chưa hiểu chúng ta thì không bao giờ người ta nói sự thật đâu."

Rời xóm chài, Bác dẫn chúng tôi xuống bãi biển. Một không khí lao động tấp nập diễn ra. Bác bước nhanh tới.

Thấy mấy cụ già đang xoắn chân thang kéo rùng (kéo lưới) vất vả, Bác vào cùng, đứng trước một cụ già cũng xoắn chân thang cật lực dang tay kéo sợi dây, Bác cùng kéo luôn. Một đồng chí bảo vệ đứng sát trước mặt Bác cũng sai tay kéo. Chúng tôi cũng vào kéo theo Bác. Cụ già thấy một ông cụ lạ và mấy người cùng kéo lưới giúp thì mừng vui, vừa làm vừa trò chuyện nở như ngô rang. Lao động thực sự, cật sức, mồ hôi nhễ nhại, Bác bỏ mũ, cởi cả áo cộc, cả khăn bông quấn cổ lộ hết bộ râu, lúc ấy cũng chẳng ai để ý, không ai nhận ra người cùng kéo dò áng (kéo dây lưới vây) là Bác Hồ, có lẽ họ nghĩ đây là một ông cụ già tốt bụng cùng một số cán bộ về nghỉ mát.

Mặt trời ra khỏi mây, cảnh vật rục rờ, tôi phát hiện cảnh lao động giữa Bác với lão ngư say mê vui vẻ, tôi muốn chớp khoảnh khắc có một không hai này nhưng vướng đồng chí bảo vệ đứng sát, tôi vờ quay lại huých cánh tay đẩy đồng chí bảo vệ đứng ra xa hai ông cụ kéo lưới nhưng đồng chí bảo vệ không

hiểu ý. Biết ý định của tôi, Bác đưa mắt cho đồng chí bảo vệ. Chỉ một thoáng ống kính của tôi đã thu được khung cảnh lao động rất chân thực và xúc động giữa Bác và lão ngư.

Nhấp một chút rượu rồi nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn kể tiếp:

- Sau khi hoàn tất việc kéo lưới, Bác dẫn chúng tôi đi thăm không khí lao động nhộn nhịp của ngư dân trên bãi cá. Nơi này chuyển cá dưới thuyền lên bãi cát mịn. Nơi kia từng đoàn gánh cá đi, chỗ khác, mấy bà đang vun cá lên như đồng lúa... Gặp chỗ nào đang khẩn trương công việc là Bác xắn tay vào. Bác nhập cuộc rất nhanh và thuần thục. Thấy mấy bà đang bốc cá vào thúng như chia cá, Bác ngồi xuống trò chuyện, Bác hỏi một ngư dân:

- Mùa này đánh bắt được nhiều cá, bà con tha hồ phân khởi, tha hồ ăn cá, phải không các bà?

- Phân khởi gì mà phân khởi hở cụ.

- Sao lại không phân khởi?

Một bà nhanh nhẩu trả lời:

- Cụ bảo chúng tôi tha hồ ăn cá ư? Có mà ban quản trị nó móc họng ra. Đây là cá của các ông ban quản trị, chứ có phải cá của xã viên đâu. Chúng tôi gánh cá là gánh cá về cho chủ nhiệm đẩy cụ ơ. Còn chúng tôi chỉ ăn những con tép vụn vặt mà thôi.

Bà con trả lời thật thà mà ngay thẳng. Bác đứng lên tiếp tục đi quanh bãi cá. Thời gian ấy Người đang viết dự thảo Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp. Bác bảo:

- Phải khoán cho người lao động, có khoán người ta mới có ăn, có ăn mới lao động tốt.

Với một phóng sự năm bức ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngư dân Sầm Sơn, thành công của nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn là làm cho người xem không ai phân biệt trong hai ông lão cật lực lao động ấy ai là lãnh tụ, là danh nhân văn hóa của nhân loại và ai là lão ngư dân! Bác Hồ hòa mình với những người kéo lưới mà vẫn hiện lên tầm cao của lãnh tụ.

Đó là một trong số những kỉ niệm sáng mãi về những tháng ngày được ở bên Bác Hồ kính yêu mà suốt đời nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn không thể nào quên.

Bác Hồ về thăm lại Pác Bó

*(Dựa theo lời kể của Thiếu tướng Lê Quảng Ba,
nhà báo Âu Thủy ghi)*

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, ông Lê Quảng Ba được tin nhiệm cử giữ nhiều nhiệm vụ trọng yếu: Khu trưởng Khu Hà Nội (nay là Tư lệnh Quân khu Thủ đô), Chỉ huy trưởng Mặt trận Duyên hải Đông Bắc và vượt Thập Vạn Đại Sơn giúp Hồng quân Trung Quốc tiêu diệt quân Quốc Dân đảng giải phóng đất nước và thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tư lệnh Liên khu Việt Bắc, Đại đoàn trưởng đầu tiên Đại đoàn 316, Tư lệnh Quân khu Việt Bắc... Năm 1960, ông chuyển ngành, làm Trưởng ban Ban Dân tộc Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Chính phủ, rồi Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp Trung ương.

Tháng 2 năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên thăm Cao Bằng, Bác về lại Pác Bó. Nói chuyện với nhân dân Cao Bằng, Người mong muốn:

“Bác mong tỉnh Cao Bằng sớm trở thành một trong những tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng như trước đây Cao Bằng đã là một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc...”

Ít nhất Cao Bằng phải cao bằng nơi cao nhất hay nhất, Cao Bằng phải cao không nơi nào bằng.”

Thiếu tướng Lê Quảng Ba đã tháp tùng Bác trong chuyến “về nguồn” đầy ý nghĩa lịch sử này. Sau này, trong sách *Uống nước nhớ nguồn* - tập kí - Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân in năm 1978, ông đã kể lại cho nhà báo Âu Thủy ghi như sau:

... Chiều ngày 19 tháng 2 năm 1961, các đồng chí Tố Hữu, Nguyễn Khai và tôi theo Bác đến thị xã Cao Bằng bằng máy bay lên thẳng. Sáng ngày 20, chúng tôi đưa Bác về thăm Pác Bó. Nhưng sáng hôm đó trời nhiều

sương mù, máy bay không cất cánh được, Bác quyết định đi xe đến Đô Chương rồi đi bộ vào Pác Bó (Lúc đó chưa làm đường xe ô tô vào Pác Bó).

...

Trở lại thăm Pác Bó, thăm những người thân thuộc, gắn bó với cách mạng cách đây đã hai mươi năm, Bác không khỏi nhớ tới bao nhiêu sự việc đã xảy ra ở khu vực này.

...

Hôm nay cả làng Pác Bó, già, trẻ, gái, trai đều ra đón Bác. Đồng bào ở Sóc Giang, Đôn Chương cũng đến đây cùng đồng bào Pác Bó. Những cụ già mặc áo bông xanh, đầu tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào, nét mặt tươi vui, dắt các cháu nhỏ mặc quần áo hoa đủ màu sắc...

Chúng tôi đưa Bác xuống làng Pác Bó. Trông thấy Bác, đồng bào reo hò hoan hỉ. Các cụ vây quanh Bác; có cụ nắm tay Bác lắc lắc... Bác và các cụ nhìn nhau nói không nên lời... Các bà, các chị ai cũng rơm rớm nước mắt, mừng mừng, tủi tủi, nhớ lại những ngày khổ nhục trước kia và cảnh no ấm đoàn tụ ngày nay. Thấy Bác đi bộ, bà con nói: "Bác vất vả quá."

...

Cả làng Pác Bó, già, trẻ, gái, trai vây quanh Bác hân hoan, như đón người bác, người ông đi xa về...

Sau một lúc lâu, Bác mới nói được với đồng bào:

- Bà con làm gì mà đông thế này?

Đồng bào reo lên:

- Đón Bác, đón Bác. Năm mới chúc Bác sống lâu, mạnh khỏe!

Sau khi chúc lại đồng bào, Bác nói vui với đồng bào:

- Tôi về thăm nhà mà, sao lại đón tôi.

Nghe Bác nói, đồng bào cảm động, rơm rớm nước mắt. Thực vậy, Bác về thăm Pác Bó, thăm Cao Bằng là Bác về thăm nhà. Nhà Bác, quê hương của Bác, không chỉ là nơi chôn nhau cắt rốn, mà nhà Bác, quê hương Bác, là căn cứ cách mạng, là mọi nơi trên mảnh đất Việt Nam thân yêu.

...

Trong buổi đón Bác hôm ấy (...) tôi như bị thôi thúc, vội làm mấy câu thơ bằng tiếng địa phương, nói lên một phần cảm xúc của

đồng bào đối với Bác. Xin tạm dịch ra tiếng phổ thông:

Xuân hai mươi năm trước cũng ngày này
Theo đường Pò Văn Bác tới đây
Hôm nay xuân, tháng Giêng mồng sáu
Pác Bó vui tươi lại đón Người.

Ngày trước khi về râu Bác đen
Vì dân, thân gầy mặt cũng đen
Nay tuy tóc bạc, mà lại khỏe
Hong hào gương mặt, khác gì tiên.

Ngày trước như bìm bịp ven đường
Nay như phượng hoàng trên cao lượn
Ngày trước rón rén, dò từng bước
Hôm nay chim sắt cưỡi âm vang.

Ngày trước có nhiều giặc, nhiều beo
Nhân dân ta sống cảnh đói nghèo
Ngày nay trai gái đều biết chữ
Ấm no đời sống hơn trước nhiều.

Ngày trước Bác dạy đánh Nhật, Tây
Theo Bác, ta đánh thắng Nhật, Tây
Nay tiến lên chủ nghĩa xã hội
Theo Bác, hợp tác xã ta xây.

Ngày trước như trời u ám mây
Nay như mặt trời rạng rỡ soi
Nhân dân ta ngày càng no ấm
Bác càng vui, khỏe, sống càng lâu.

...

Hôm nay trở lại thăm cảnh cũ, những sự kiện đã cách đây hai mươi năm lần lượt hiện ra trong óc chúng tôi. Từng gốc cây, mỏm đá ở vùng này đều rất gần gũi, thân thiết...

Bác và chúng tôi im lặng hồi lâu, ngược nhìn về phía cột mốc biên giới số 108 và phía lán Khuổi Nặm, ngắm nhìn dòng suối Lê-nin nước trong như lọc, nhìn bàn đá, nhìn hang ở... Bác bỗng cất tiếng vui vẻ nói với đồng chí Tố Hữu:

- Nào nhà thơ, làm thơ đi chứ.

- Mời Bác làm trước! - Đồng chí Tố Hữu mỉm cười trả lời.

Bác nói:

- Vậy thì tôi làm trước! - Trầm ngâm một lát, Bác cất giọng ấm áp:

Hai mươi năm trước, ở hang này
Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây
Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu
Non sông gấm vóc có ngày nay.

Bác giáo dục chuyện sinh hoạt hằng ngày

(Theo lời kể của bà Hà Giang⁽¹⁾, nguyên Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, người phụ nữ đầu tiên ra nước ngoài làm công tác ngoại giao với vai trò Bí thư Đại sứ quán Việt Nam tại CHDCND Triều Tiên)

*

Bà Giang bồi hồi nhớ lại, hơn bảy mươi năm trước, đầu năm 1944, bà tham gia hoạt động trong nội thành Hà Nội, là thành viên trong một tổ Việt Minh gồm có bà Nguyễn Thị Bích Thuận (Đại tá, nguyên Cục phó Cục Cảnh vệ - Bộ Công an) và bà Bùi Thị Tình (sau này là vợ ông Trần Quang Bình - nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện).

(1) Bà Hà Giang tên thật là Đặng Thị Thiêm, sinh năm 1921 tại làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, nguyên Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Ông Trần Xuân Độ (1894 - 1997), chồng bà, quê xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, là Chính ủy đầu tiên của Quân khu 7.

Ba người đã được ông Hoàng Tùng (sau này là Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương), phụ trách Việt Minh ở Hà Nội, phân công công tác. Riêng bà nhận nhiệm vụ rải truyền đơn trên các đường phố, chuyên chở sách báo, vũ khí của Việt Minh từ Hà Nội về thành phố Nam Định, tham gia cơ sở cách mạng trong công nhân nhà máy ô tô, trong giới học sinh, giới tiểu thương.

Tháng 8 năm 1945, bà Hà Giang được cử làm người đại diện phụ nữ Hà Nội đi dự Quốc dân Đại hội Tân Trào. Tại Quốc dân Đại hội Tân Trào bà được gặp Bác lần đầu tiên. Sau này, làm công tác tại Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nên bà còn được gặp Bác nhiều lần. Bác giáo dục cả những chuyện sinh hoạt hằng ngày, từ việc lớn cho đến việc nhỏ, chứ không phải chỉ nói nhiều về chủ trương. Chính vì thế nên rất nhiều năm trôi qua nhưng bà và các chị em đã từng gặp Bác hôm ấy vẫn nhớ mãi những chi tiết cụ thể.

Khi bà về cơ quan Hội Phụ nữ Cứu quốc, lâu lâu Bác đến cơ quan. Bác họp chị em lại

rồi giáo dục: Phải sâu sát quần chúng như thế nào, sống giản dị như thế nào? Có một chi tiết bà Giang vẫn nhớ, nhìn ra sọt rác trong văn phòng, thấy có giấy trắng, Bác liền nhắc nhở: "Các cô phải tiết kiệm chứ, sao giấy trắng thế này mà đã bỏ?" Những chi tiết rất nhỏ nhưng Bác vẫn nhắc, nên bà Giang cứ nhớ mãi.

Khi về nhận công tác Ủy viên Thường trực Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, bà Hà Giang còn được gặp Bác nhiều lần. Bởi vì cứ mỗi một lần đoàn phụ nữ quốc tế đến thăm, họ xin gặp Bác Hồ thì các chị lại phân công bà đưa các đoàn đến. Bác vẫn mặc bộ quần áo ka ki giản dị đi ra tiếp đoàn nên ban đầu họ không biết. Khi nghe giới thiệu: "Hồ Chủ tịch của chúng tôi đây!", đoàn khách đều hết sức ngạc nhiên vì sự giản dị của Bác. Gặp đoàn nào cũng vậy, Bác trò chuyện rất vui vẻ.

Giữa năm 1950, bà lập gia đình cùng ông Trần Xuân Độ tại Việt Bắc. Cưới xong các đồng chí lãnh đạo đề nghị: "Nếu Hà Giang không vào Nam thì cả hai vợ chồng công tác ngoài Bắc, tùy hai người quyết định."

Bà quyết định cùng ông vượt núi trèo non vào Nam nhận nhiệm vụ. Miền Bắc giải phóng, ông bà lại cùng tập kết ra Bắc.

Năm 1956, Tổng Bí thư Trường Chinh đề nghị ông Trần Xuân Độ sang Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên làm Đại sứ. Lúc đầu ông không nhận vì nghĩ không có chuyên môn, ngoại ngữ lại không biết. Nghe ông Trường Chinh báo cáo, Hồ Chủ tịch cho mời ông Trần Xuân Độ đến Phủ Chủ tịch. Sau khi trò chuyện, Bác nói: "Từ trước đến giờ tôi có học làm Chủ tịch nước đâu. Nhưng Đảng và Nhà nước phân công thì phải làm. Tôi và chú Trường Chinh thay mặt Đảng và Nhà nước phân công chú Độ làm Đại sứ." Nghe Bác nói xong, ông Độ nhận lời...

Hồi đó chưa có chế độ cho vợ cùng chồng ra nước ngoài công tác. Biết bà Hà Giang là một trí thức theo kháng chiến, có trình độ văn hóa, nên Hồ Chủ tịch cho mời bà sang. Bác nói:

- Trung ương định đưa đồng chí Trần Xuân Độ làm Đại sứ ở Triều Tiên, cô có thể đi cùng với đồng chí Độ được không?

Nhớ lại kỉ niệm với Bác, bà Hà Giang lại bồi hồi:

- Tôi cũng có suy nghĩ: Mình không biết làm công tác ngoại giao như thế nào. Lúc bấy giờ các đồng chí đại sứ khác ít đưa vợ đi, hoặc nếu có đi thì cũng chỉ đi làm phu nhân thôi, chứ không có công tác gì ở sứ quán. Suy nghĩ, xong tôi trả lời: "Thưa Bác, nếu Bác và Đảng quyết định thì cháu cũng sẵn sàng đi. Tuy không quen công tác ngoại giao, nhưng sang đó cháu học dần."

Bác cười:

- Cô biết ngoại ngữ không?

- Thưa Bác, cháu bập bẹ biết tiếng Pháp thôi! (Sự thực thì bà đã tốt nghiệp bậc tú tài Trường Bưởi - một thành tích hiếm thấy ở phụ nữ thời đó).

Bác bảo:

- Thế thì cũng tốt. Thế này nhé, chú Độ làm Đại sứ, cô làm phu nhân là một chuyện thôi, nhưng mà cái chính là công tác sứ quán giúp cho chú Độ. Cô đã có ngoại ngữ như thế là tốt lắm. Thôi thì đi nhé.

Bà Hà Giang đáp:

- Vâng, Bác phân công thì cháu xin nhận.

Và nhờ đó, bà Hà Giang ngẫu nhiên trở thành Đại sứ phu nhân đầu tiên của Việt Nam được phép ra nước ngoài cùng chồng.

Trước khi đi, Bác mời ông bà Đại sứ đến ăn một bữa cơm giản dị, ấm cúng và thân mật tình cảm gia đình. Trong bữa ăn, Bác nói chuyện tình hình quốc tế, rồi dặn dò nhiệm vụ công tác. Đại sứ quán lúc đó độ chừng chục người. Bà làm Bí thư thứ hai kiêm thư kí riêng của Đại sứ; đồng thời anh em còn bầu bà phụ trách công tác nghiên cứu của sứ quán kiêm phụ trách Văn phòng sứ quán và làm Bí thư Chi bộ cơ quan. Ông bà đã công tác ở Triều Tiên 6 năm (từ năm 1956 đến năm 1962) thì kết thúc nhiệm vụ.

Về nước, ông Trần Xuân Độ được cử làm Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Bộ Ngoại giao. Còn bà Hà Giang làm Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cho đến khi nghỉ hưu...

Bác Hồ góp ý sửa thơ

(Theo lời kể của nhà thơ Việt Phương⁽¹⁾)

Trở thành hội viên Hội Nhà văn Việt Nam ở tuổi ngoài tám mươi, nhà thơ Việt Phương đã hoàn thành tâm nguyện của mình là muốn kế thừa người anh ruột - nhà văn Từ Bích Hoàng, người đã góp phần hoạt động văn nghệ từ trước Cách mạng Tháng Tám, một trong những hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957), nguyên Phó Tổng biên tập Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*.

Khi mới mười chín tuổi, Việt Phương đã được đồng chí Phạm Văn Đồng - bấy giờ là Đặc phái viên của Chính phủ tại miền Nam

(1) Nhà thơ Việt Phương (1928 - 2017) nguyên Trợ lý Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1906 - 2000), hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Trung Bộ - chọn về làm thư kí riêng. Từ đó, ông đã giúp việc cho đồng chí Phạm Văn Đồng suốt năm mươi ba năm trên các cương vị Phó Thủ tướng, Thủ tướng Chính phủ, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng... cho đến khi đồng chí mất (năm 2000).

Nhà thơ Việt Phương cho biết, là thư kí riêng giúp việc vị Thủ tướng lâu năm nhất của nước Việt Nam, ông phải "tự kiểm chế" và mất đi rất nhiều điều. Ông vốn lắm cá tính, có kiêu riêng, điệu riêng, cách riêng, thích thú riêng, và thậm chí cả ngang tàng riêng. Vì vậy, nếu ngay đến trong thơ cũng lại đưa cho thủ trưởng duyệt nữa, thì ông không còn gì, ông không còn là mình nữa. Nàng thơ là lĩnh vực của riêng Việt Phương.

Máu văn nghệ sĩ có sẵn trong căn cốt của mình, từ năm 1964, ông đã tham gia một nhóm thơ. Các thành viên trong nhóm đều làm thơ chuyên nghiệp, riêng có mình Việt Phương làm thơ nghiệp dư. Họ là Vũ Quần Phương - nguyên Trưởng ban Thơ của Hội Nhà văn, Bằng Việt - đã có thời gian đương nhiệm vị trí Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học

Nghệ thuật Hà Nội, về sau thêm Phạm Tiến Duật ở miền Nam ra. Phái nữ có Xuân Quỳnh, Phan Thị Thanh Nhàn, Ý Nhi, sau đó thêm Nguyễn Thị Hồng Ngát.

Năm 1970, tập thơ *Cửa mở* của Việt Phương ra đời thu hút ngay được sự chú ý của dư luận, không phải chỉ riêng văn đàn mà cả chính giới.

Sau những đích dắc liên quan tới tập thơ *Cửa mở*, Việt Phương vẫn là cán bộ giúp việc Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đồng thời tham gia nhóm cán bộ giúp việc Tổng Bí thư Lê Duẩn, và là một thành viên cốt cán của Viện Nghiên cứu Quản lí Kinh tế Trung ương. Nghỉ hưu ở tuổi sáu mươi lăm, ông được Thủ tướng Võ Văn Kiệt kí quyết định cử làm Ủy viên Thường trực của Tổ chuyên gia tư vấn của Thủ tướng. Khi Tổ chuyên gia tư vấn mở rộng ra thành Ban Nghiên cứu đổi mới của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải, Việt Phương vẫn tiếp tục là Ủy viên thường trực của Ban. Vừa làm kinh tế ông vừa làm thơ. Để rồi, sau *Cửa mở* là *Cửa đã mở* (2008), *Bơ vơ đông đảo* (2009) và *Cỏ dọc đường trần* (2010) ra đời.

Người viết bài này ngồi hỏi chuyện một Việt Phương nhà thơ. Ông kể, Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người có một tâm hồn thơ nhưng không làm một câu thơ nào. Như đã thỏa thuận từ trước, nàng thơ là của riêng ông. Tuy không đưa thơ cho Thủ tướng xem, nhưng Việt Phương lại thỉnh thoảng được đọc thơ mình vừa làm để Bác Hồ nghe và cho ý kiến. Cuối những năm năm mươi (của thế kỉ trước) cho đến năm 1969, khi Bác qua đời, nhà thơ Tố Hữu làm thơ thường đọc cho Bác nghe trước khi công bố. Nhiều hôm đọc như thế, Việt Phương được dự.

Sau ngày Bác mất, Việt Phương đã công bố ngay bài thơ *Muôn vãn tình thương yêu trùm lên trên khắp quê hương* (1969) với những câu thơ ghi dấu ấn sâu đậm trong lòng độc giả: “Bác thường để lại đĩa thịt gà mà ăn trọn mấy quả cà xứ Nghệ.” Đầu năm 1970, ông có bài nói chuyện tại Hà Nội với cán bộ, đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, sau này được in thành sách *Một số mẩu chuyện về đời sống hằng ngày của Bác Hồ* (Lưu hành nội bộ - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000).

Bằng chất giọng hào sảng, nhà thơ Việt Phương kể cho người viết bài nghe một kỉ niệm về thơ với Bác cách nay vừa đúng nửa thế kỉ.

Năm 1961, nhà thơ Tố Hữu viết một bài thơ xuân mang vào đọc cho Bác nghe. Khổ đầu của bài thơ như sau:

*Tôi viết bài thơ xuân
Nghìn chín trăm sáu một
Lá bàng đỏ rụng ngoài sân
Cành dâu xanh rờn ngõ trước*

Những câu thơ tả thực khuôn viên nhà riêng của nhà thơ Tố Hữu ở 76 Phan Đình Phùng: Sân sau có mấy cây bàng, vào mùa xuân lá bàng đỏ rụng, còn phía trước có cây dâu mùa đông ra lá xanh.

Nghe đọc xong Bác nói ngay:

- Chú viết sai lắm. Mới vào năm 1961 cái mà lá bàng đỏ rụng ngoài sân thế này, không được. Cành dâu mà có xanh rờn ngõ trước thì cũng không bù lại được.

Nhà thơ Tố Hữu tiếp thu. Trở về, ông chữa lại:

*Tôi viết bài thơ xuân
Nghìn chín trăm sáu một
Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt
Nắng soi sương giọt long lanh...
Rét nhiều nên ấm nắng hanh
Đắng cay lắm mới ngọt lành đó chẳng?
Giã từ năm cũ bâng khuâng
Đã nghe xuân mới lâng lâng lạ thường...*

Những năm tháng ấy, Văn phòng Chủ tịch nước và Văn phòng Chính phủ ở chung với nhau. Vì vậy, nhiều lần nhà thơ Việt Phương sang giúp việc cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi thì ông đọc cho Bác nghe những tài liệu trong nước và nước ngoài gửi đến để Bác duyệt; hoặc ông đọc những tài liệu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng muốn xin ý kiến Bác. Sau những lúc làm việc xong, trong tình thân Bác - cháu, nhà thơ lại đọc Bác nghe một bài thơ ông mới viết.

Nhìn vào cuộc sống thấy cả mặt sáng và mặt tối. Dù trong thâm tâm mình vẫn luôn hướng về ánh sáng nhưng ông không thể làm ngơ trước cái xấu. Ông làm bài thơ dài hai trang về đời sống xã hội. Làm việc xong với Bác, ông đề nghị:

- Hôm nay cháu có bài thơ mới viết, xin đọc Bác nghe.

Bác Hồ hưởng ứng:

- Ừ, chú đọc đi.

Nhà thơ Việt Phương liền đọc khổ thơ mở đầu:

*Chó không bao giờ ăn thịt chó
Người ăn thịt người xương không bỏ*

*Cuộc đời nhăn nhở như đười ươi
Cuộc đời rình mò như cú vọ
Cuộc đời nham hiểm như cáo già
Cuộc đời độc ác như báo hổ.*

Nghe xong, Bác lắc đầu và bảo:

- Không phải thế đâu chú ạ! Loài vật không xấu xa thế đâu. Đó là định kiến sai lầm của con người gán cho loài vật. Loài vật không xấu xa thế đâu. Loài vật không có như chú viết: nhăn nhở, rình mò, nham hiểm, độc ác. Không phải thế đâu.

Kể xong câu chuyện, nhà thơ Việt Phương nói với người viết bài:

- Ngay mở đầu đã hỏng, tôi bỏ cả bài ấy đi. Từ đó tôi rất là thấm thía học được bài

học từ Bác. Sau này dần dần cho đến lúc lớn thêm nữa, trải nghiệm, tôi hiểu ra được sự sống: Sự sống rộng hơn sự người nhiều lắm. Sự người là từng người và cả loài người. Còn sự sống rộng hơn sự người nhiều. Trong sự sống còn nhiều những thành tố khác, những thành tố bình đẳng với con người mà con người cần tương kính, tương thân, tương ái. Ngay chỉ trên trái đất, đó là cát bụi, đất đá, cây cỏ, chim muông, ngày đêm, sáng tối... Sự sống còn là tất cả vũ trụ này và những vũ trụ khác. Mọi thành tố của sự sống có sự chuyển động của bản thân mình. Có những tác phẩm văn nghệ viết về thiên nhiên cây cỏ, hoa lá, con vật đáng yêu, nhưng đều do con người truyền cho ý nghĩa sự sống và dáng vẻ từ bên ngoài đến bên trong. Thế là cái người ta gọi: "Chủ nghĩa con người trung tâm", thậm chí "chủ nghĩa con người tạo hoá". Điều ấy không đúng đâu.

Nhấp một chén trà ấm, nhà thơ Việt Phương trầm ngâm suy tư. Lát sau, ông lấy từng ví dụ để chứng minh điều mình vừa nói.

Giáo sư Việt kiều Cao Huy Thuần đến chơi đã kể cho ông nghe câu chuyện có những

nhà khoa học ở phương Tây dành cả một đời để nghe tiếng nói của từng loài cây. Trên một mảnh đất độ phì nhiêu như nhau, khí hậu như nhau, người ta trồng một loại cây cùng một lúc, ra cùng một thứ hoa, cùng một thứ quả. Người ta tưới bón chăm sóc giống ỵ như nhau, chỉ có một điều khác duy nhất: Một cây họ cứ lặng yên chăm sóc, còn một cây trong khi chăm sóc thì họ nói chuyện với cây, tâm sự với cây vào lúc trời nắng, vào lúc trời mưa, vào lúc ra mầm mới, vào lúc rụng lá... Có điều gì trong cuộc sống, niềm vui, nỗi buồn họ cùng tâm sự với cây. Kết quả là cây đó ra hoa sớm hơn hẳn và có quả ngọt hơn hẳn cây kia.

Vợ chồng giáo sư toán học Phan Đình Diệu lại kể cho ông nghe câu chuyện về hai cây cau vua cao to trong khoảnh vườn của mình: "Cây cau vua nhà tôi, hai vợ chồng tôi đếm đã 200 lần rơi lá, không có lần nào lá cây cau rơi xuống mà gây tổn thương hay làm hại, gây khó khăn gì cho cây ở dưới, cứ như là nó lựa chọn ấy. Nó chọn lúc nào thì rơi, theo chiều gió như thế nào, lá rơi xuống cách ra làm sao, đi theo những đường lượn

thế nào, không bao giờ gây tổn hại cho cây ở dưới cả. Mà đến 200 lần. Có lẽ nào lại không có một tí ý thức nào? Tôi phải khẩn và tôi phải khâm phục cây ấy. Nó tôn trọng các cây khác đến như thế.”

Còn vợ nhà thơ Việt Phương, bà Trần Tú Lan, con gái đầu của hai nhà cách mạng lão thành Vũ Văn Tân và Nguyễn Thị Phương Hoa, có một con chó và một con mèo. Dường như có sự giao lưu giữa bà chủ với hai con vật nuôi đó rất rõ rệt. Bà nói cái gì hầu như nó hiểu cả.

- Cho nên dần dần tôi thấm thía được câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không phải thế đâu chú ạ. Đó là định kiến sai lầm của con người. Loài vật không xấu xa như thế!”

Nhà thơ Việt Phương kết thúc câu chuyện của mình bằng một lời đúc kết đầy tâm đắc.

Mục lục

<i>Lời nói đầu</i>	3
• Người bảo vệ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Pác Bó	7
• Học Bác suốt đời.....	15
• Chủ tịch Hồ Chí Minh với nền văn hóa Việt Nam những ngày đầu cách mạng.....	22
• Từ sức hấp dẫn lôi cuốn diệu kì của Bác Hồ	31
• Người trí thức dẫn thân	43
• Tấm lòng yêu thương của Bác Hồ	54
• Chiếc áo Bác Hồ.....	64
• Chữa răng Bác Hồ ở Chiến khu Việt Bắc.....	76
• Phút giải lao của Hồ Chủ tịch và Đại tướng Võ Nguyên Giáp.....	83
• Cán bộ nữ phải sát quần chúng.....	93
• Nếu không có sáng tạo thì không có tiến bộ.....	102
• Luôn luôn nhớ ơn Bác Hồ	113
• Bác Hồ với ngư dân Sầm Sơn	123
• Bác Hồ về thăm lại Pác Bó.....	129
• Bác giáo dục chuyện sinh hoạt hằng ngày.....	135
• Bác Hồ góp ý sửa thơ	141